

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
THỦ ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 687 /TB-CNTĐ

TPHCM, ngày 28 tháng 3 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

- Mã chứng khoán: TDW
- Địa chỉ: Số 8 Khổng Tử, phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM
- Điện thoại liên hệ: 19001012 Fax: 028 3896 0241
- E-mail: idscentd@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (kèm tài liệu Đại hội).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/3/2023 tại đường dẫn: <https://www.capnuocthuduc.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Thông báo mời họp;
- Tài liệu họp ĐHĐCĐ.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Minh

THÔNG BÁO

Mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức trân trọng kính mời Quý cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

- 1. Thời gian:** 9h00' Thứ tư, ngày 19 tháng 4 năm 2023.
- 2. Địa điểm:** Trung tâm hội nghị Minh Thủy. Địa chỉ: Số 01-02A Alexandre DeRhodes, phường Bình Thọ, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM.
- 3. Nội dung chính của Đại hội:**
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2022, phương hướng hoạt động năm 2023;
 - Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2022, phương hướng hoạt động năm 2023;
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023;
 - Tờ trình các nội dung: Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán; Phương án phân phối lợi nhuận; Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022; Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính và kế hoạch thù lao năm 2023; Hợp đồng giao dịch với người nội bộ; Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2023; Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (thành viên độc lập) nhiệm kỳ 2022-2027;
 - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 4. Thành phần tham dự:** Tất cả Cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của TDW tại ngày 23/03/2023.
- 5. Tài liệu Đại hội:** Quý cổ đông vui lòng tải tài liệu tại mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty www.capnuocthuduc.vn.
- 6. Các vấn đề khác:**
 - Cổ đông không trực tiếp tham dự có thể ủy quyền cho người/tổ chức khác tham dự theo mẫu Giấy ủy quyền đính kèm.
 - Cổ đông hoặc Bên nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo Thông báo/Thư mời họp, CMND/CCCD/Hộ chiếu hợp lệ, Giấy ủy quyền tham dự Đại hội của TDW (trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại hội).

Ý kiến đóng góp thảo luận tại Đại hội và Giấy đề cử ứng cử thành viên Hội đồng quản trị (thành viên độc lập) nhiệm kỳ 2022 – 2027 gửi về trụ sở của Công ty trước 16h30' ngày 14/4/2023 (Địa chỉ: Số 8 Khổng Tử, phường Bình Thới, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM. Điện thoại: 19001012, Fax: 028 3896 0241, Email:cntd@Capnuoctheduc.vn

Trân trọng!

Nơi nhận :

- Như trên;
- SGDCK; UBCKNN;
- HĐTV-TCTy;
- HĐQT; BKS;
- BGĐ; KTNB;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tống Đăng Khoa

TÀI LIỆU
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Thành phố Thủ Đức, tháng 3 năm 2023

MỤC LỤC

Trang

Nội dung chương trình	3
Quy chế tổ chức Đại hội.	4
Thẻ lệ biểu quyết	10

PHẦN I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... 13

I. Tình hình quản trị Công ty	13
1. Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	13
2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BDH	18
3. Những thay đổi trong HĐQT, BKS, BDH	21
4. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ.....	21
II. Kết quả giám sát đối với Giám đốc và Người điều hành khác	22
1. Công tác quản lý, giám sát của HĐQT	22
2. Đánh giá hoạt động của Công ty	22
3. Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc	23
III. Định hướng hoạt động năm 2023	23

PHẦN II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 25

A. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022	25
I. Hoạt động của Ban kiểm soát.....	25
1. Cơ cấu tổ chức	25
2. Hoạt động của Ban kiểm soát	25
3. Các cuộc họp của Ban kiểm soát	26
4. Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát	27
II. Kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ	27
III. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.....	28
1. Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022.....	29
2. Thẩm định báo cáo tài chính.....	33
IV. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, BGĐ năm 2022	33
1. Giám sát hoạt động của HĐQT và công tác điều hành của BGĐ	33
2. Sự phối hợp hoạt động của BKS với HĐQT và BGĐ	34
V. Nhận xét và kiến nghị	34
VI. Kế hoạch hoạt động năm 2023	35
B. Đề xuất danh sách công kiểm toán BCTC năm 2023	37

PHẦN III. BÁO CÁO CỦA BGĐ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022..... 38

I. Kết quả hoạt động năm 2022.....	38
------------------------------------	----

1. Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty	38
2. Tổ chức, nhân sự.....	38
3. Kết quả sản xuất kinh doanh.....	41
4. Những tiến bộ đã đạt được.....	42
II. Kết quả hoạt động tài chính, BCTC năm 2022 kiểm toán	42
1. Kết quả thực hiện	42
2. Tình hình tài sản	43
3. Tình hình nợ phải trả	43
4. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	43
5. Ý kiến của đơn vị kiểm toán về BCTC năm 2022	44
PHẦN IV. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023	45
1. Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch.....	45
2. Các chỉ tiêu về SXKD; chỉ tiêu tài chính chủ yếu	45
3. Biện pháp thực hiện	46
PHẦN V. TỜ TRÌNH CÁC NỘI DUNG THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	50
1. Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán, Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022	50
2. Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý, Thù lao HĐQT, BKS năm 2022.....	51
3. Kế hoạch SXKD; Kế hoạch tài chính và Quỹ tiền lương của NQL năm 2023.....	51
4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023	52
5. Hợp đồng giao dịch năm 2022, 2023 với Người có liên quan	52
6. Tạm ứng cổ tức năm 2023.....	53
PHẦN VI. BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT _NK 2022 - 2027	54
1. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT.....	54
2. Quy chế bầu thành viên HĐQT	55
PHẦN VII. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ	58
PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN BẦU DÒN PHIẾU	63
BIỂU MẪU GIẤY ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ	65
DỰ THẢO CÁC HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN	69

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
(Tổ chức vào ngày 19 tháng 4 năm 2023)

Stt	Nội dung	Thời gian
I	ĐĂNG KÝ DỰ HỌP ĐHĐCĐ	08:30 – 9:00
1	Cổ đông đăng ký dự họp	
I	KHAI MẠC, BẦU CHỦ TỌA, THƯ KÝ ĐẠI HỘI	09:00 – 9:20
2	Kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự	
3	Khai mạc, giới thiệu Đại biểu.	
4	Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu; Ban thư ký	
5	Thông qua nội dung chương trình và Quy chế tổ chức đại hội	
II	NỘI DUNG CHÍNH	09:20 – 10:00
6	Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2022	
7	Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2022	
8	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023	
9	Tờ trình các nội dung: Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán; Phương án phân phối lợi nhuận; Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022; Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính và kế hoạch thù lao năm 2023; Hợp đồng giao dịch với người nội bộ; Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2023; Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (thành viên độc lập) nhiệm kỳ 2022-2027.	
10	Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông	
III	BẦU BỔ SUNG TV.HĐQT NHIỆM KỲ 2022-2027 (Thành viên độc lập)	10:00 – 10:10
	GIẢI LAO (20 phút)	10:10 – 10:30
IV	THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI	10:30 – 10:40
V	CÔNG BỐ KẾT QUẢ BỎ PHIẾU	10:40 – 10:50
VI	GIỚI THIỆU BIÊN BẢN/ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI	10:50 – 11:00
VII	BẾ MẠC ĐẠI HỘI	11:00

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Chương I:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (sau đây gọi là Đại hội) của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.
2. Quy chế quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội

Cổ đông có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự.

Chương II.

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền của Cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Được biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.
2. Được Ban tổ chức đại hội gửi giấy mời họp kèm theo Quy chế đại hội, Chương trình đại hội để nghiên cứu và góp ý trước bằng văn bản cho Ban tổ chức để tổng hợp, hoặc để thảo luận trực tiếp tại Đại hội.
3. Được nhận một Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu. Giá trị biểu quyết của phiếu biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.
4. Cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết.
5. Cổ đông đến dự Đại hội muộn có quyền được đăng ký vào dự ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội; nhưng không có quyền tham gia và biểu quyết những nội dung đã được Đại hội thông qua trước đó khi cổ đông chưa có mặt (hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng).

Điều 4. Nghĩa vụ của Cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi đến tham dự cuộc họp phải mang theo Thông báo triệu tập (thay thư mời) kèm Phiếu đăng ký tham dự, Giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền) nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông trước thời điểm khai mạc Đại hội.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
4. Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa đại hội và kết quả biểu quyết của Đại hội.

Điều 5. Ban chủ tọa

1. Ban chủ tọa gồm 01 Chủ tọa và các ủy viên do Đại hội biểu quyết thông qua có chức năng điều khiển Đại hội.
2. Chủ tọa đại hội: Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chủ trì cuộc họp Đại hội.
3. Quyền và nghĩa vụ của Ban chủ tọa:
 - a) Điều khiển đại hội thực hiện chương trình làm việc một cách hợp lệ, có trật tự.
 - b) Quyết định các vấn đề trình tự, thủ tục của Đại hội hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình đại hội.
 - c) Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 - d) Quyết định của Ban chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký

1. Ban thư ký gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên do Ban chủ tọa chỉ định để thực hiện ghi chép nội dung cuộc họp và lập biên bản.
2. Nghĩa vụ của Ban thư ký.

- a) Hỗ trợ Ban chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết Đại hội và gửi thông báo của Ban chủ tọa đến Cổ đông khi được yêu cầu;
- b) Tiếp nhận, rà soát Phiếu thảo luận, các ý kiến của Cổ đông, chuyển Ban chủ tọa quyết định;
- c) Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội;
- d) Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.
- đ) Chịu trách nhiệm trước Ban chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và làm việc dưới sự điều hành của Ban chủ tọa.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị đề cử, có trách nhiệm:

- a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện cổ đông đến dự họp.
- b) Phát cho cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu và các tài liệu họp khác.
- c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên (không phải là các ứng viên vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát) do Ban chủ tọa giới thiệu để Đại hội thông qua.

2. Ban kiểm phiếu có thể thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ

3. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a) Đối với việc biểu quyết các nội dung tại Đại hội
 - Hướng dẫn Cổ đông/Người đại diện theo ủy quyền cách sử dụng Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu.
 - Thu lại Phiếu biểu quyết.
 - Ghi lại toàn bộ số phiếu biểu quyết cho từng nội dung theo chương trình;
 - Lập biên bản và cung cấp kết quả kiểm phiếu để Chủ tọa công bố trước Đại hội.
- b) Đối với việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có)
 - Thông báo, hướng dẫn Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
 - Hướng dẫn Cổ đông và Người đại diện theo ủy quyền cách sử dụng Phiếu bầu cử.
 - Tiến hành kiểm phiếu; Lập biên bản và cung cấp kết quả kiểm phiếu để Chủ tọa công bố trước Đại hội.

Chương III

TRÌNH TỰ VÀ NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để triệu tập Đại hội.

Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày
2. Đại hội lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình đại hội.

Điều 11. Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội:

- a) Thông qua Báo cáo tài chính năm;
- b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 12. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 13. Xử lý trường hợp tổ chức Đại hội không thành

1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 9 Quy chế này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự

định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Quy chế gồm 5 Chương và 14 Điều, được Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội cổ đông thông qua.
2. Quy chế có hiệu lực ngay khi được Đại hội biểu quyết thông qua.
3. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.
4. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền và những người tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BDH; KTNB
- Lưu

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tổng Đăng Khoa

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Thẻ lệ biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (gọi tắt là Đại hội) được tiến hành như sau:

Điều 1. Nguyên tắc; Hình thức biểu quyết.

1. Nguyên tắc thực hiện:

- a) Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội được Đại hội thảo luận và biểu quyết công khai bằng thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín bằng phiếu biểu quyết.
- b) Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số cổ đông, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của cổ đông đó.

2. Hình thức biểu quyết:

- a) Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết:

Hình thức giơ Thẻ biểu quyết được dùng để thông qua các nội dung: Quy chế; Chương trình đại hội, bầu chọn Ban chủ tọa; Ban thư ký, Ban kiểm phiếu, Biên bản và Nghị quyết đại hội, và các nội dung khác không thuộc nội dung tại tờ trình của Hội đồng quản trị.

- b) Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết:

Hình thức biểu quyết bằng cách điền vào Phiếu biểu quyết được dùng để thông qua các nội dung tại Tờ trình của Hội đồng quản trị trình đại hội.

- c) Bầu thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

Điều 2. Cách thức biểu quyết:

- a) Cổ đông thực hiện việc biểu quyết để “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” đối với một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết.
- b) Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một

vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ

c) Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “x” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu

d) Khi tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Mỗi cổ đông sẽ được phát một phiếu bầu, trên đó tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

đ) Trường hợp cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi việc bỏ Phiếu biểu quyết kết thúc thì vẫn được đăng ký đại biểu và biểu quyết với những vấn đề phát sinh sau khi cổ đông đó đăng ký, nhưng không được phép tham gia biểu quyết những vấn đề đã được biểu quyết xong. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

e) Sau khi hoàn thành tất cả các nội dung cần biểu quyết của Đại hội, cổ đông gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông.

Điều 3. Cách xác định phiếu hợp lệ và phiếu không hợp lệ

a) Phiếu biểu quyết

(i) Phiếu biểu quyết hợp lệ: là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên của cổ đông tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

(ii) Phiếu biểu quyết không hợp lệ: là phiếu có nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ.

b) Phiếu bầu cử

(i) Phiếu bầu cử hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có

chữ ký, ghi rõ họ tên của cổ đông tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

(ii) Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;

Điều 4. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các Cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi Cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- Trước khi mở hòm phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản và niêm phong số phiếu không dùng tới hoặc phiếu bị trả lại do cổ đông đổi phiếu.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được và cung cấp cho Chủ tọa để công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

Điều 5. Những khiếu nại về việc kiểm phiếu

1. Cổ đông có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề có liên quan đến biểu quyết. Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết phải được xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội.
2. Những khiếu nại về việc kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Thẻ lệ biểu quyết có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua và chỉ được áp dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2023.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BDH; KTNB;
- Lưu

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tông Đăng Khoa

PHẦN I

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính trình : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Căn cứ :

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Quy chế Quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022;
- Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Hội đồng quản trị Báo cáo hoạt động năm 2022 như sau:

I. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1 Thành viên và cơ cấu

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu cổ phần	Cổ phần nắm giữ cá nhân	Tổng cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Nguyễn Tổng Đăng Khoa	CT.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	ĐD:12,75%	Chuyên trách
2	Nguyễn Công Minh	TV.HĐQT kiêm GD	1.083.750	800	1.083.750 800 (sh)	ĐD:12,75% SH: 0,01%	Điều hành
3	Đặng Đức Hiền	TV.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	ĐD:12,75%	Không điều hành
	Các chức danh nắm giữ tại các công ty khác:	- Phó tổng giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV. - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn					
4	Lê Trọng Thuận	TV.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	ĐD:12,75%	Không điều hành
	Các chức danh nắm giữ tại các công ty khác	- Trưởng phòng Kinh doanh Dịch vụ khách hàng Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn					

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu cổ phần	Cổ phần nắm giữ cá nhân	Tổng cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
5	Trương Khắc Hoàn	TV.HĐQT	-	-	-	-	Không điều hành
	Các chức danh nắm giữ tại các công ty khác:	- Giám đốc - Công ty TNHH Nước sạch REE. - Thành viên HĐQT các công ty: + Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức + Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp + Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà + Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa + Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Sài Gòn					
6	Nguyễn Anh Tuấn	TV.HĐQT	-	-	-	-	Không điều hành
	Các chức danh nắm giữ tại các công ty khác:	- Quản lý phát triển kinh doanh – Công ty TNHH Nước sạch REE - Thành viên HĐQT các công ty: + Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định + Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè + Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà + Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa					

1.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và bộ máy điều hành

Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban giám đốc trên cơ sở quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Các nội dung giám sát gồm:

- Công tác điều hành của Ban giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Công tác điều hành, chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Năm 2022, Ban giám đốc đã nỗ lực trong quá trình điều hành công ty, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.

Với kết quả đạt được như trên, Hội đồng quản trị đánh giá Ban giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Chấp hành nghiêm chỉnh chính sách quy định của Nhà nước trong việc điều hành sản xuất kinh doanh.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, an toàn.

- Chính sách điều hành minh bạch, có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy điều hành.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của công ty;

1.3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không

1.4. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của công ty.

Năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp để chỉ đạo kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua
1	05 /NQ-CNTĐ- HĐQT	25/01/2022	- Kết quả hoạt động SXKD năm 2021. - Kết quả hoạt động tài chính năm 2021. - Miễn giảm tiền nước. - Ký kết Bản thỏa thuận và Phụ lục hợp đồng điều chỉnh đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2021. - Đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2022. - Gia nhập Hội Cấp thoát nước Việt Nam và Chi hội Cấp nước Miền Nam.
2	06 /NQ-CNTĐ- HĐQT	25/01/2022	- Quy chế công bố thông tin
3	10/NQ-CNTĐ- HĐQT	25/02/2022	- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022. - Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022. - Kế hoạch mua sắm năm 2022.
4	13/NQ-CNTĐ- HĐQT	08/3/2022	- Kế hoạch triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
5	15/NQ-CNTĐ- HĐQT	15/3/2022	- Thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022 (bổ sung)
6	19/NQ-CNTĐ- HĐQT	30/3/2022	- Dự thảo Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán. - Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021 (trình ĐHĐCĐ) - Kế hoạch tài chính năm 2022.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua
			- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021; Kế hoạch quỹ tiền lương năm 2022 - Báo cáo hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ năm 2021; Kế hoạch hoạt động năm 2022. - Chương trình và nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
7	024/NQ-CNTĐ-HĐQT	22/4/2022	- Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 - Miễn nhiệm/Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc công ty – Người đại diện theo pháp luật. - Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.
8	027/NQ-CNTĐ-HĐQT	31/5/2022	- Kết quả hoạt động SXKD; kết quả tài chính Quý I năm 2022. - Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và chức danh trong nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức. - Thông qua chủ trương bổ nhiệm cán bộ (cấp Trưởng phòng). - Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022.
9	31/NQ-CNTĐ-HĐQT	10/6/2022	- Miễn nhiệm Phó giám đốc. - Hợp đồng thuê tài sản với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn. - Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022. - Kế hoạch kiểm toán nội bộ
10	34/NQ-CNTĐ-HĐQT	28/6/2022	- Giao dịch với các bên liên quan năm 2020 2021; và năm 2022
11	37/NQ-CNTĐ-HĐQT	26/7/2022	- Bổ nhiệm Phó Giám đốc
12	40/NQ-CNTĐ-HĐQT	09/8/2022	- Bổ sung cho Bộ phận kiểm toán nội bộ
13	42/NQ-CNTĐ-HĐQT	31/8/2022	- Báo cáo sơ kết 6 tháng năm 2022 - Báo cáo Kết quả tài chính quý II, lũy kế 6 tháng năm 2022. - Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm năm 2022
14	43/NQ-CNTĐ-HĐQT	31/8/2022	- Bổ nhiệm lại Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty
15	45/NQ-CNTĐ-HĐQT	08/9/2022	- Miễn nhiệm, Bổ nhiệm Phó giám đốc
16	48/NQ-CNTĐ-HĐQT	21/9/2022	- Cử cán bộ đi công tác tại Hoa Kỳ
17	050/NQ-CNTĐ-HĐQT	26/12/2022	- Báo cáo sơ kết 9 tháng năm 2022 - Kết quả tài chính Quý III; lũy kế 9 tháng năm 2022; Ước thực hiện năm 2022

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua
			- Báo cáo tình hình thực hiện kết luận của Đoàn thanh tra quyết toán thuế 04 năm 2016, 2018, 2020, 2021 - Báo cáo về việc xử lý kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về 12 dự án đầu tư - Báo cáo của Bộ phận kiểm toán nội bộ - Kế hoạch sử dụng lao động năm 2023 - Bổ sung nhân sự Bộ phận kiểm toán nội bộ - Điều chỉnh Cơ cấu tổ chức

1.5. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không

1.6. Hoạt động của Bộ phận Kiểm toán nội bộ

1.6.1. Tóm tắt tình hoạt động năm 2022

Hệ thống kiểm soát nội bộ nhìn chung đáp ứng yêu cầu kiểm soát, có sự quan tâm của các cấp lãnh đạo để xây dựng môi trường kiểm soát phù hợp, bên cạnh đó còn một số điểm cần hoàn thiện liên quan đến quy trình nội bộ và tính hữu hiệu của các hoạt động kiểm soát trong các quy trình.

Năm 2022, Bộ phận kiểm toán nội bộ đã thực hiện các nội dung sau:

a. Công tác phối hợp và tự thực hiện

- Phối hợp cùng đơn vị tư vấn kiểm toán các phòng chức năng (được đánh giá có rủi ro cao) trong việc thực hiện các quy trình, quy định;
- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng, kế hoạch tài chính định kỳ hàng quý, bán niên và cả năm tài chính.

b. Công tác do đơn vị tư vấn thực hiện:

- Hệ thống, hoàn thiện 3 quy trình: quy trình đầu tư xây dựng, quy trình mua sắm vật tư, trang thiết bị và quy trình quản lý tài sản, vật tư (đang hoàn thiện).
- Kiểm toán 4 phòng chức năng: phòng Kỹ thuật, phòng Quản lý dự án, Phòng Tài chính kế toán và phòng Kế hoạch vật tư.

Kết quả thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2022

Stt	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH	Ghi chú
I	Tự thực hiện				
1	Thẩm định Báo cáo tài chính BC KQ thực hiện chỉ tiêu SXKD, ĐTXD quý, bán niên, năm	4 lượt	4 lượt	100%	

Stt	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH	Ghi chú
2	Báo cáo tình hình hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022	1	1	100%	
3	Công tác thường nhật của bộ phận KTNB	x	x		
4	Công tác khác theo yêu cầu	x	x		
II	Phối hợp cùng đơn vị tư vấn				
1	Hệ thống, hoàn thiện 3 quy trình chính của Công ty	3 quy trình	3 quy trình	80%	Đang hoàn thiện
2	Kiểm toán các phòng chức năng được đánh giá có rủi ro cao				
-	Phòng Kỹ thuật	1	1	100%	
-	Phòng Quản lý dự án	1	1	100%	
-	Phòng kế toán tài chính	1	1	100%	
-	Phòng Kế hoạch vật tư	1	1	100%	

1.6.2 Kế hoạch và định hướng hoạt động trong năm 2023

- Kiểm toán các phòng ban được đánh giá có rủi ro cao gồm: Phòng Kỹ thuật, Phòng Kế hoạch vật tư, Phòng Tài chính kế toán và Phòng Quản lý dự án.
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện kế hoạch tài chính của Công ty.
- Tiếp tục hỗ trợ các Phòng chức năng xây dựng và hoàn thiện các quy trình.

1.7. Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đạo tạo về quản trị công ty:

a) Danh sách thành viên tham gia khóa đào tạo về quản trị trong năm 2022: không

b) Danh sách các thành viên đã tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty:

- Nguyễn Thị Ngọc Hạnh – Trưởng Ban kiểm soát.
- Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty.

2. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

2.1. Các khoản lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng vượt kế hoạch 2021 (NQL)	Ghi chú
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Nguyễn Tổng Đăng Khoa	Chủ tịch HĐQT	593.703.653	-	73.860.453	- Miễn nhiệm PGĐ ngày 22/4/2021.
2	Nguyễn Công Minh	Tv.HĐQT kiêm GD	312.007.022	48.000.000	21.466.106	

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng vượt kế hoạch 2021 (NQL)	Ghi chú
3	Đặng Đức Hiền	Thành viên	-	72.000.000	18.533.333	- Bổ nhiệm làm TV HĐQT-kiểm GD ngày 26/4/2022.
4	Trương Khắc Hoàn	Thành viên	-	72.000.000	12.355.556	
5	Lê Trọng Thuần	Thành viên	-	72.000.000	18.533.333	
6	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	-	72.000.000	12.355.556	
7	Nguyễn Ngọc Hùng	Tv.HĐQT kiêm GD	251.820.908	24.000.000	45.257.061	Miễn nhiệm ngày 26/4/2022
8	Lục Chánh Trường	Thành viên	-	-	6.177.778	Miễn nhiệm ngày 22/4/2021
9	Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên	-	-	6.177.778	Miễn nhiệm ngày 22/4/2021
BAN KIỂM SOÁT						
1	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Trưởng ban	484.810.539	-	61.143.529	Bổ nhiệm ngày 26/4/2022
2	Trương Quế Hương	Trưởng ban	-	32.000.000	-	
3	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên	-	48.000.000	6.177.778	
4	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên	-	48.000.000	9.266.666	
5	Lê Văn Diễm	Thành viên	-	-	3.088.889	Miễn nhiệm ngày 22/4/2021
6	Hoàng Ngọc Lâm	Thành viên	-	16.000.000	9.266.667	Miễn nhiệm ngày 26/4/2022)
BAN ĐIỀU HÀNH						
1	Nguyễn Thị Thùy Linh	PGĐ	136.604.029	-	-	Bổ nhiệm ngày 01/8/2022
2	Phạm Huỳnh Bá Đạt	PGĐ	106.111.923	-	-	Bổ nhiệm ngày 08/9/2022
3	Lâm Tứ Duy	PGĐ	314.190.235	-	64.398.318	Miễn nhiệm ngày 07/6/2022
4	Nguyễn Tuấn Ngọc	PGĐ	386.886.855	-	40.762.353	Miễn nhiệm ngày 08/9/2022
5	Cao Hữu Lộc	Kế toán trưởng	460.895.954	-	58.121.225	

2.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, cổ đông lớn: không

2.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ, người có liên quan.

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH (CMND/ĐKKD) ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (ghi rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Cổ đông lớn nắm giữ 51% (Cổ đông Nhà nước) - Công ty mẹ	0301129367, Ngày cấp: 23/03/2010. Nơi cấp: Sở KHĐT – Tp.HCM	01 Công trường Quốc tế, P6, Q3, TP.HCM	2022	022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022	840.177.613.163	Mua bán si nước sạch năm 2022 (đơn giá 6.743,94 đồng/m ³)
							14.638.405.320	Chuyển nhượng vật tư chuyên ngành
							11.470.346.693	Thuê tài sản hoạt động (mạng lưới cấp nước)
							24.000.000	Bồi dưỡng thi nâng bậc thợ
							38.400.000	Đào tạo kỹ thuật vận hành DMA; kỹ thuật thi công ống ngành, đại tích hợp van
2	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	Cùng công ty mẹ (TCT Cấp nước Sài Gòn)	0304789298 Ngày cấp: 02/01/2007 Nơi cấp: Sở KHĐT – Tp.HCM	1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, P. Tân Phong, Quận 7, TP. HCM	2022	34/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 28/6/2022	181.486.348	Mua nước uống đóng chai
3	Công ty Cổ phần Cơ Khí công trình Cấp nước	Cùng công ty mẹ (TCT Cấp nước Sài Gòn)	0304772551 Ngày cấp: 03/01/2007 Nơi cấp: Sở KHĐT – Tp.HCM	C12 Ấp Thống Nhất 1, Xã Tân Thới Nhì, Huyện Hóc Môn, Tp.HCM	2022	34/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 28/6/2022	732.472.000	Sửa chữa, tân trang; kiểm định đồng hồ nước
4	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước	Cùng công ty mẹ (TCT Cấp nước Sài Gòn)	0304796129 Ngày cấp: 12/01/2007 Nơi cấp: Sở KHĐT – Tp.HCM	54A đường Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM	2022	34/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 28/6/2022	314.531.348	Chi phí tư vấn giám sát

2.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức luôn tuân thủ và thực hiện đúng quy định pháp luật về việc thực hiện và công bố thông tin. Đồng thời, luôn xem xét các thông lệ và điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật về quản trị công ty cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động

3. NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HĐQT, BKS, BDH

Nhân sự Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và Ban điều hành có sự thay đổi như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Hùng	TV.HĐQT	22/4/2021	26/4/2022	Hết nhiệm kỳ.
		Giám đốc	22/4/2021	26/4/2022	Nghị quyết 024/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 26/4/2022
2	Nguyễn Công Minh	TV.HĐQT	26/4/2022		Nghị quyết 022 /NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022.
		Giám đốc	26/4/2022		Nghị quyết 024/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 26/4/2022
3	Hoàng Ngọc Lâm	TV.BKS	18/4/2012	26/4/2022	Hết nhiệm kỳ.
4	Trương Quế Hương	TV.BKS	26/4/2022		Nghị quyết 022 /NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022
5	Nguyễn Thị Thùy Linh	Phó giám đốc	01/8/2022		Nghị quyết 37/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 01/8/2022
6	Phạm Huỳnh Bá Đạt	Phó giám đốc	08/9/2022		Nghị quyết 45/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 08/9/2022
7	Lâm Tứ Duy	Phó Giám đốc	09/7/2012	07/6/2022	Nghị quyết 31/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 10/6/2022
8	Nguyễn Tuấn Ngọc	Phó Giám đốc	22/4/2021	08/9/2022	Nghị quyết 45/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 08/9/2022

4. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Stt	Chủ trương của ĐHĐCĐ	Kết quả thực hiện trong năm 2022
1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022	Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh
2	Chi trả cổ tức năm 2021	Chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền. - Tỷ lệ thanh toán: 12% - Ngày thanh toán: từ ngày 26/5/2022.

Stt	Chủ trương của ĐHĐCĐ	Kết quả thực hiện trong năm 2022
3	Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm tài chính 2022	HĐQT đã ban hành Nghị quyết 27/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 31/5/2022 về việc chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022 (theo ủy quyền của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết 022/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022)
4	Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch; Hợp đồng thuê lại mạng lưới cấp nước; Hợp đồng nhượng vật tư chuyên ngành nước; và các Hợp đồng khác với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn	Công ty đã ký kết các hợp đồng với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn (chi tiết xem tại mục 2.3 báo cáo này)

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

1. Công tác quản lý, giám sát của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị duy trì việc giám sát hoạt động của Ban giám đốc nhằm đảm bảo cho hoạt động của doanh nghiệp được an toàn, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng nội dung Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, cổ đông, người lao động và khách hàng.

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò quản lý, giám sát toàn diện các mặt hoạt động của công ty, đưa ra định hướng đúng đắn, giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục những khó khăn, giúp doanh nghiệp phát triển bền vững.

2. Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty

Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng với sự nỗ lực của tập thể CB.CNLD và sự chỉ đạo kịp thời của Ban điều hành, năm 2022 Công ty đã hoàn thành kế hoạch được ĐHĐCĐ giao.

Trong công tác tài chính, Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật; đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn, đồng thời cung cấp đầy đủ và kịp thời báo cáo theo quy định của Luật Kế toán và Luật Chứng khoán, phục vụ tốt cho công tác lãnh đạo điều hành và quản trị nội bộ.

Về mặt kinh doanh, Công ty thực hiện đúng các quy định về cấp nước, mở thêm kênh thanh toán tiền nước thông qua việc liên kết với các ngân hàng và các dịch vụ thu hộ, tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể thanh toán tiền nước mọi lúc, mọi nơi.

Đánh giá được tầm quan trọng và hiệu quả của Chương trình giảm nước thất thoát thất thu, Công ty đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp phù hợp như: tập trung triển khai các dự án sửa chữa, nâng cấp mạng lưới cấp nước; kiểm soát các khu vực có đồng hồ nước tiểu vùng; tăng cường công tác dò tìm và sửa bể...

Nhận thức được trách nhiệm và tầm quan trọng của đơn vị đối với xã hội, Công ty đã phát huy tối đa tính sáng tạo, xây dựng đơn vị cấp nước vững mạnh và vì cộng đồng. Chỉ đạo và giám sát thường xuyên công tác tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;

Hoàn thành chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn.

Về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của công ty.

3. Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc (Giám đốc và người điều hành khác)

Với kết quả đạt được trong năm 2022, Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò của Ban giám đốc trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh.

- Tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong quá trình điều hành công ty.
- Kịp thời triển khai thực hiện các giải pháp tích cực nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra, góp phần giải quyết nhu cầu nước sạch của người dân trên địa bàn quản lý
- Duy trì chế độ họp nghiệp vụ định kỳ nghiêm túc và hiệu quả, thể hiện được vai trò chỉ huy và thống nhất trong Ban giám đốc.
- Có những điều chỉnh, thay đổi kịp thời trong công tác tổ chức, cải tiến quy trình làm việc để hoàn thiện bộ máy và quản lý công việc hiệu quả.
- Chấp hành đầy đủ chủ trương, chính sách và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Trong thời gian tới, với quy hoạch phát triển của Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đòi hỏi Công ty phải nỗ lực hơn nữa để phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân thành phố; tiếp tục đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn Công ty quản lý, cũng như của toàn Tp.HCM.

Công ty cần xác định, khai thác các cơ hội trong từng giai đoạn khó khăn thách thức để phát triển. Phát huy thế mạnh của mô hình cổ phần hóa nhằm góp phần tạo sự chủ động trong công tác sản xuất kinh doanh; tập trung sắp xếp hoàn thiện bộ máy tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, kết hợp định hướng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của đơn vị.

3.1 Công tác điều hành và quản trị doanh nghiệp

Hội đồng quản trị tiếp tục giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động của doanh nghiệp theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua hằng năm.

Phối hợp cùng Ban kiểm soát để phát hiện sớm các bất cập trong quá trình điều hành quản lý Công ty nhằm đưa ra các biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời các rủi ro xảy ra trong hoạt động tài chính.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý doanh nghiệp.

Rà soát, cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy trình cho phù hợp với quy định hiện hành

và tình hình thực tế tại doanh nghiệp để tạo sự chủ động, tính chịu trách nhiệm đi kèm, tăng cường kiểm tra giám sát tính tuân thủ và hiệu quả công việc.

Hoàn thiện, kiện toàn bộ máy tổ chức tinh gọn cho phù hợp với hoạt động của công ty cổ phần và xu thế phát triển trong khu vực.

3.2 Công tác nhân sự

Trọng tâm của kế hoạch nhân sự là chuẩn bị nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu nhân sự cho mục tiêu phát triển công ty.

Đội ngũ nhân lực đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển doanh nghiệp, để tạo nền tảng vững mạnh thì cần phải đào tạo người lao động nắm được kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện công việc. Muốn xây dựng doanh nghiệp bền vững thì đòi hỏi phải dựa vào nguồn nhân lực chất lượng cao, với kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm dày dặn sẽ thúc đẩy năng suất lao động.

3.3 Công tác khác

Tăng cường công tác dân chủ thông qua các kênh chính quyền, tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên để xây dựng Công ty đoàn kết, thống nhất; xây dựng văn hóa doanh nghiệp vì mục tiêu phát triển doanh nghiệp bền vững.

Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, giúp người lao động yên tâm công tác và gắn bó với Công ty.

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tông Đăng Khoa

PHẦN II | BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính trình : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Căn cứ :

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần cấp nước Thủ Đức;
- Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần cấp nước Thủ Đức ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2021;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị Công ty năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023;
- Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

A. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Ban kiểm soát (BKS) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát :

Trong năm 2022, Thành viên Ban kiểm soát có sự thay đổi nhân sự theo kết quả bầu cử Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027 theo Nghị quyết số 22/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau :

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh - Trưởng Ban kiểm soát.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Thành viên Ban kiểm soát
- Ông Hoàng Ngọc Lâm - Thành viên Ban kiểm soát. Miễn nhiệm ngày 26/4/2022.
- Bà Trương Quế Hương - Thành viên Ban kiểm soát. Bỏ nhiệm ngày 26/4/2022.
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh - Thành viên Ban kiểm soát.

2. Các hoạt động của Ban kiểm soát :

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp; Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và Quy chế Quản trị Công ty, Ban kiểm soát đã xây dựng và triển khai Chương trình công tác, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách kiểm tra giám sát hoạt động của Hội

đồng quản trị, Ban điều hành về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022 như sau :

- Giám sát việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ; Thực hiện chia cổ tức cho Cổ đông.
- Giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Kế hoạch tài chính năm 2022;
- Đề xuất Danh sách các Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty;
- Giám sát việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm;
- Xem xét tính phù hợp các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các Quyết định của Ban giám đốc trong công tác quản lý.
- Thẩm định các Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Giám sát việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch trong việc công bố thông tin để phục vụ quyền lợi của Cổ đông.
- Tham dự các phiên họp Hội đồng quản trị, qua đó nắm bắt thông tin kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát theo quy định.
- Giám sát kiểm phiếu trong trường hợp lấy ý kiến của các thành viên HĐQT bằng văn bản để ban hành Nghị quyết của HĐQT.
- Tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban kiểm soát theo đúng quy định để soát xét, đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tham gia tập huấn, cập nhật thường xuyên nghiệp vụ chuyên môn và chính sách pháp luật có liên quan để phục vụ tốt công tác.

3. Các cuộc họp của Ban kiểm soát :

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã tổ chức các phiên họp để thông qua tài liệu trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022; Bầu chọn Trưởng Ban kiểm soát, Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027; xem xét, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở Báo cáo Tài chính năm 2021 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính bán niên 2022 đã soát xét, Báo cáo tài chính quý III và lũy kế 9 tháng đầu năm của Công ty. Ngoài ra, các thành viên Ban kiểm soát còn tham dự các cuộc họp theo Thư mời của Hội đồng quản trị Công ty.

Các thành viên trong Ban kiểm soát đều tham dự họp đầy đủ, nội dung các cuộc họp của Ban Kiểm soát cụ thể như sau:

Stt	Biên bản họp	Ngày	Nội dung làm việc
1	01/BB-BKS (NK III)	24/3/2022	- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; Xem xét kiểm tra Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2021 của Công ty.

Stt	Biên bản họp	Ngày	Nội dung làm việc
			- Thông qua Dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021, tổng kết nhiệm kỳ 2017 – 2022 và Kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 2022 – 2027 trình Đại hội Cổ đông thường niên năm 2022; Xem xét các tài liệu chuẩn bị Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.
2	02/BB-BKS (NK III)	20/4/2022	Đề xuất danh sách tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính Công ty năm 2022.
3	01/BB-BKS (NK IV)	26/4/2022	Bầu chọn Trưởng Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2022-2027.
4	02/BB-BKS (NK IV)	26/4/2022	Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027.
5	03/BB-BKS (NK IV)	23/8/2022	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022
6	04/BB-BKS (NK IV)	02/11/2022	Đánh giá Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Tài chính Quý III và lũy kế 9 tháng đầu năm 2022

Trong quá trình làm việc, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi công việc, tài liệu, nắm bắt thông tin kịp thời, liên tục; đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát :

Thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022, thù lao của Kiểm soát viên không chuyên trách trong năm 2022 là 4.000.000 đồng/người/tháng.

Trưởng Ban kiểm soát hưởng lương chuyên trách và lợi ích khác theo chế độ, Thang bảng lương và Thỏa ước Lao động tập thể của Công ty.

Công ty đã chi và hạch toán tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Trưởng Ban kiểm soát; tiền thù lao, tiền thưởng cho các Kiểm soát viên theo đúng quy định.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2022

Công ty đã thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 với kết quả đạt được như sau :

- Thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức 2021 cho Cổ đông đúng hạn theo quy định.
- Chi trả thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và hạch toán chi phí theo đúng quy định.
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành.

- Hội đồng Quản trị đã chọn và Công ty đã ký hợp đồng với Chi nhánh Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2022.
- Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ, Hội đồng Quản trị đã thực hiện thông qua việc ký kết Hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và giao Giám đốc Công ty thực hiện ký kết các hợp đồng gồm : Hợp đồng Mua bán sỉ nước sạch; Hợp đồng Thuê tài sản mạng lưới cấp nước do Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV đầu tư trên địa bàn để quản lý và khai thác; Hợp đồng nhượng vật tư chuyên ngành nước; và các Hợp đồng khác để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.
- Thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Kế hoạch tài chính và Quỹ tiền lương Người quản lý năm 2022 với kết quả như sau :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH
A	Sản xuất kinh doanh				
1	Nước tiêu thụ	1000 m ³	102.600	101.728	99,15%
2	Doanh thu tiền nước	tr.đồng	1.178.774	1.179.548	100,07%
3	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100%
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	14,7	14,22	thấp hơn 0,48%
B	Tài chính				
1	Tổng Doanh thu	tr. đồng	1.188.776	1.203.393	101,23%
2	Tổng chi phí	tr. đồng	1.146.572	1.142.347	99,63%
3	Lợi nhuận trước thuế	tr. đồng	42.204	61.046	144,64%
4	Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	33.763	47.520	140,74%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu bình quân	%	18,35	21,35	116,35%
6	Cổ tức	%	12	14 (kế hoạch trình ĐHĐCĐ)	100%
C	Quỹ Tiền lương Người quản lý				
	Quỹ Tiền lương NQL	tr. đồng	2.592	3.034	117,06%

Công ty đã thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh và tài chính theo Nghị quyết số 22/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022 của Đại hội đồng Cổ đông trừ chỉ tiêu về Lượng nước tiêu thụ đạt tiệm cận so với kế hoạch năm là 99,15%.

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

1. Tình hình Tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022:

1.1 Tình hình Tài chính tại ngày 31/12/2022 của Công ty được tóm tắt như sau :

Stt	Chỉ tiêu	Số cuối năm (31/12/2022)	Số đầu năm (01/01/2022) ⁽¹⁾
I	Tài sản ngắn hạn	233.856.732.954	194.858.901.634
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	150.222.371.210	67.787.411.211
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.573.312.106	47.213.583.562
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	13.144.264.709	20.425.526.159
4	Hàng tồn kho	58.225.465.500	52.219.951.999
5	Tài sản ngắn hạn khác	8.691.319.429	7.212.428.703
II	Tài sản dài hạn	228.051.085.989	222.323.592.641
A	Tổng Tài sản	461.907.818.943	417.182.494.275
I	Nợ phải trả	226.613.987.299	207.235.951.837
1	Nợ ngắn hạn	192.309.729.587	163.074.329.398
2	Nợ dài hạn	34.304.257.712	44.161.622.439
II	Vốn chủ sở hữu	235.293.831.644	209.946.542.438
1	Vốn góp chủ sở hữu	85.000.000.000	85.000.000.000
2	Quỹ Đầu tư phát triển	36.373.209.808	36.373.209.808
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	113.920.621.836	88.573.332.630
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	66.400.882.630	25.462.756.451
	- LNST chưa phân phối kỳ này	47.519.739.206	63.110.576.179
B	Tổng Nguồn vốn	461.907.818.943	417.182.494.275

1.2 Một chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021 ⁽¹⁾
1	Cơ cấu Tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản	%	50,63	46,71
	Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	49,37	53,29
2	Cơ cấu Nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	49,06	49,68
	Vốn CHS/Tổng nguồn vốn	%	50,94	50,32
	Nợ phải trả/Vốn CSH	lần	0,96	0,99
	Hệ số bảo toàn vốn	lần	1,00	1,01
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,91	0,87
	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,22	1,19
4	Hiệu quả hoạt động			

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021 ⁽¹⁾
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng TS bình quân	%	10,80	14,68
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,01	6,14
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân	%	21,35	33,72

Công ty bảo toàn được vốn và hoạt động kinh doanh có lãi.

Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ đến hạn. Hệ số nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu tại ngày 31/12/2022 là 0,96, tại ngày 31/12/2021 là 0,99.

Các Tỷ suất về hiệu quả hoạt động năm 2022 đạt thấp hơn so với năm 2021 do năm 2021 có điều chỉnh số liệu theo Thông báo số 602/TB-TCT-TCKT ngày 03/02/2023 của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn THHH MTV về thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước liên quan đến đơn vị.

1.3 Kết quả kinh doanh năm 2022

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2021 ⁽¹⁾	Năm 2022		Tỷ lệ TH 2022/KH	Tỷ lệ TH 2022/2021
				Kế hoạch	Thực hiện		
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4) = (3)/(2)	(5) = (3)/(1)
1	Tổng doanh thu	triệu đồng	1.087.436	1.188.776	1.203.393	101,23%	110,66%
	Trong đó :						
	Doanh thu hoạt động kinh doanh chính		1.041.881	1.184.892	1.187.618	100,23%	113,99%
2	Tổng chi phí	-	1.008.507	1.146.572	1.142.347	99,63%	113,27%
3	Lợi nhuận trước thuế	-	78.929	42.204	61.046	144,64%	77,34%
	Trong đó :						
	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh chính		36.098	40.040	54.981	137,31%	152,31%
4	Lợi nhuận sau thuế	-	63.802	33.763	47.520	140,74%	74,78%

(1) : Căn cứ công văn số 602/TCT-TCKT ngày 03/02/2023 của Tổng công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV gửi Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức về thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước (KTNN) liên quan đến đơn vị. Theo nội dung công văn, Công ty phải thực hiện kiến nghị của KTNN điều chỉnh số liệu kế toán, Báo cáo Tài chính theo ý kiến kết luận của KTNN. Công ty đã điều chỉnh hồi tố chi phí giá vốn không tương ứng với doanh thu năm 2021 trở về trước vào Kết quả kinh doanh năm 2021 và ghi nhận tăng giá trị hàng tồn kho tương ứng trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2022, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Phương pháp gián tiếp) năm 2021 (Xem thông tin chi tiết tại Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty đã kiểm toán tại nội dung Thuyết minh số 39 – Số liệu so sánh, nội dung trình bày về Điều chỉnh hồi tố).

Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2022 của Công ty có các chỉ tiêu sau :

a. Tổng Doanh thu :

Tổng doanh thu thực hiện 1.203,4 tỷ đồng, tăng 1,23% (+14,62 tỷ đồng) so với kế hoạch, tăng 10,66% so (+115,96 tỷ đồng) với năm 2021. Trong đó :

- Doanh thu hoạt động kinh doanh chính thực hiện 1.187,61 tỷ đồng, tăng 0,23% (+2,72 tỷ đồng) so với kế hoạch, tăng 13,99% (+145,74 tỷ đồng) so với năm 2021.
- Thu nhập khác thực hiện 15,78 tỷ đồng, tăng 11,89 tỷ đồng so với năm kế hoạch. Trong đó: Thu bồi thường di dời tuyến ống cấp nước 933 triệu đồng; thu thanh lý nhượng bán tài sản, vật tư, công cụ dụng cụ 2,17 tỷ đồng; Tăng Thu nhập do xử lý tài chính giảm khoản phải trả và đánh giá lại tài sản theo chứng thư thẩm định 11 tài sản thuộc các công trình do các đơn vị thi công đã từ chối thanh toán công nợ và kết thúc nghĩa vụ đối với khối lượng đã thi công lắp đặt công trình trong tổng số 12 dự án đã thi công trước khi có quyết định phê duyệt dự án năm 2016, 2017 là 10,79 tỷ đồng (Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Thông báo số 662/TB-KV IV ngày 31/12/2020 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV về kết quả kiểm toán tại Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức, đến thời điểm lập Báo cáo Tài chính ngày 31/12/2022, Công ty đã ghi nhận xử lý tài chính giảm khoản phải trả đồng thời tăng thu nhập có liên quan đến 11 dự án, còn 1 dự án không có công văn từ chối khoản nợ không phải thanh toán của đơn vị thi công với chi phí 808.021.057 đồng).

b. Tổng Chi phí :

Tổng chi phí thực hiện 1.142,35 tỷ đồng, đạt 99,63% (- 4,00 tỷ đồng) so với kế hoạch, tăng 13,27% (+ 133,84 tỷ đồng) so với năm 2021. Trong đó :

- Chi phí hoạt động kinh doanh chính thực hiện 1.132,64 tỷ đồng, đạt 98,93% (-12,22 tỷ đồng) so với kế hoạch, tăng 12,61% (+126,85 tỷ đồng) so với năm 2021.

Chi phí hoạt động kinh doanh chính bao gồm : Chi phí giá vốn, chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí lãi vay phục vụ hoạt động kinh doanh. Năm 2022, chi phí giá vốn mua sỉ nước sạch được Công ty thực hiện ký kết Hợp đồng mua sỉ nước sạch với Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn với đơn giá tạm tính là 6.685,91 đồng/m³ (theo Nghị quyết Hội Đồng Quản trị số 05/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 25/01/2022 và Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 022/NQ-CTĐ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022). Đơn giá mua sỉ nước sạch điều chỉnh năm 2022 là 6.743,94 đồng/m³. Đơn giá này sẽ được Hội đồng Quản trị Công ty báo cáo thông qua ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

Chi phí giá vốn mua sỉ nước sạch dở dang năm 2022 còn chờ phân bổ là 43,87 tỷ đồng. Chi phí dở dang này được Công ty ghi nhận tương ứng với doanh thu nước sạch, được xử lý tiếp theo Công văn số 602/TCT-TCKT ngày 03/02/2023 của Tổng công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV về thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước liên quan đến Công ty.

- Chi phí khác thực hiện 9,71 tỷ đồng, tăng 6,99 tỷ đồng so với năm 2021 do trong năm phát sinh khoản hoàn trả tiền bồi thường các dự án di dời tuyến ống cấp nước số tiền 5,65 tỷ đồng; Chi phí liên quan đến việc xử lý tài chính 11 dự án là 1,627 tỷ đồng.

c. Lợi nhuận trước thuế :

Lợi nhuận trước thuế năm 2022 thực hiện 61,05 tỷ đồng, tăng 44,64% (+18,84 tỷ đồng) so với kế hoạch năm. Trong đó Lợi nhuận hoạt động kinh doanh chính thực hiện 54,98 tỷ đồng, tăng 37,31% (+ 14,94 tỷ đồng) so với kế hoạch; Lợi nhuận khác thực hiện 6,07 tỷ đồng, tăng 180,26% (+3,9 tỷ đồng) so với kế hoạch năm.

d. Thuế Thu nhập doanh nghiệp :

Tổng số thuế TNDN phải nộp năm 2022 là 14,74 tỷ đồng, tăng 74,64% (+6,3 tỷ đồng) so với kế hoạch năm. Trong đó bao gồm thuế TNDN phát sinh trong năm phải nộp là 13,9 tỷ đồng, phải nộp bổ sung 836,84 triệu đồng theo Quyết định số 2482/QĐ-CT ngày 15/08/2022 của Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế (thời kỳ thanh tra năm 2016, 2018, 2020 và 2021) ⁽²⁾

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ban hành ngày 26/12/2013 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn khác theo quy định : Năm 2022, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, hết thời gian được hưởng thuế suất ưu đãi.

Trong năm 2022, Công ty có khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ chịu thuế TNDN chi phí trả trước công cụ dụng cụ là 6.055.370.626 đồng, làm phát sinh Chi phí thuế TNDN hoãn lại 1.211.074.125 đồng.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo Tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(2) Trong năm 2022, Công ty đã nhận Quyết định số 605/QĐ-CT-TT ngày 09/5/2022 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc thanh tra Thuế tại Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức. Nội dung thanh tra : Thuế Giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, rà soát tình hình sử dụng đất có nguồn gốc Nhà nước (nếu có), các nội dung phát hiện khác qua thanh tra. Thời kỳ thanh tra : Năm 2016, năm 2018, năm 2020 và năm 2021.

Ngày 16/8/2022, Công ty đã thực hiện công bố thông tin bất thường theo quy định về Quyết định số 2482/QĐ-CT-TT ngày 16/8/2022 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xử lý vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức. Trong đó số thuế TNDN phải nộp bổ sung là 836.844.559 đồng.

e. Lợi nhuận sau thuế :

Lợi nhuận sau thuế năm 2022 thực hiện 47,52 tỷ đồng, tăng 40,74% (+13,76 tỷ đồng) so với kế hoạch.

Tổng LN chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2022	113.920.621 836 đồng
+ Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước :	66.400.882.630 đồng ⁽³⁾
+ Lợi nhuận chưa phân phối năm nay :	47.519.739.206 đồng

(3) Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước trong đó bao gồm khoản điều chỉnh tăng Lợi nhuận sau thuế năm 2021 là 31.786.140.706 đồng do Công ty đã điều chỉnh hồi tố chi phí giá vốn không

tương ứng với doanh thu năm 2021 trở về trước vào Kết quả kinh doanh năm 2021 theo Công văn số 602/TCT-TCKT ngày 03/02/2023 của Tổng công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV về thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước liên quan đến đơn vị (Xem thông tin chi tiết tại nội dung Thuyết minh số 40 – Điều chỉnh hồi tố của Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty đã kiểm toán).

2. Thẩm định Báo cáo tài chính

Ban kiểm soát thống nhất với nội dung Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Với Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty như sau :

“Báo cáo Tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và Tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính”.

Vấn đề cần nhấn mạnh : Trong năm 2022, Công ty đã xử lý tài chính và hạch toán kế toán liên quan đến 11 dự án đã tạm tăng tài sản (nội dung được trình bày tại các thuyết minh số 11, 17 và số 29 - Bản Thuyết minh Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty đã kiểm toán).

(Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của đơn vị kiểm toán về Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty)

IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC TRONG NĂM 2022

1. Giám sát hoạt động của HĐQT và công tác điều hành của Ban Giám đốc :

Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông đúng theo quy định; đã tổ chức các phiên họp để chỉ đạo kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của công ty, đã ban hành 17 nghị quyết có nội dung liên quan đến Quy chế công bố thông tin; Báo cáo hoạt động của Bộ phận Kiểm toán nội bộ; chủ trương thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, công tác đầu tư phát triển, công tác cơ cấu tổ chức, công tác nhân sự, công tác quản lý và điều hành Công ty ... theo định hướng vừa thực thi các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, vừa nhằm củng cố và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

Thực hiện Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Kiểm toán nội bộ, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 09/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 22/4/2021 và Quyết định số 10/QĐ-CNTĐ-HĐQT ngày 22/4/2021 thành lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ. Đến nay nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ gồm 1 Trưởng Bộ phận và 2 thành viên. Kế hoạch hoạt động của Bộ phận Kiểm toán nội bộ được Hội đồng Quản trị thông qua hàng năm.

Trên cơ sở các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, đã được Ban Giám đốc triển khai thực hiện theo nhiệm vụ, chủ động sáng tạo và linh hoạt trong điều hành hoạt động, phấn đấu hoàn thành và vượt mức kế hoạch.

Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc năm 2022 về hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Sự phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

Ban kiểm soát luôn giữ mối quan hệ làm việc thường xuyên với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc trong giám sát các hoạt động kinh doanh để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng quy định pháp luật và các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban kiểm soát có sự độc lập trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Các thành viên đều có năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Các ý kiến đóng góp của Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đánh giá cao về chất lượng cũng như tính kịp thời.

Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty trong việc cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

V. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ :

Trong năm 2022, do ảnh hưởng của dịch bệnh covid 19 mới phục hồi nên vẫn còn tồn tại những khó khăn ảnh hưởng đến tình hình kinh tế xã hội nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc cùng Tập thể CB.CNLD Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã cố gắng nỗ lực triển khai kế hoạch bằng nhiều giải pháp với tinh thần trách nhiệm cao để thực hiện hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, tài chính mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; Quản lý sử dụng bảo toàn vốn và hoạt động kinh doanh có lãi; Công bố thông tin kịp thời và đầy đủ theo quy định về tình hình hoạt động, tài chính của Công ty; Mang lại giá trị thiết thực vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Công ty; Hoàn thành mục tiêu cung cấp nước sạch an toàn, liên tục, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

Để tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, kính đề nghị Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty tiếp tục phát huy sức mạnh, đoàn kết, chủ động, sáng tạo, nỗ lực hoàn thành các mục tiêu được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua tại Đại hội.

Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động; đảm bảo lành mạnh về tài chính, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty trong công tác quản lý, điều hành bao gồm các nhóm giải pháp như sau :

1. Đẩy mạnh cải cách hành chính :

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, hướng đến xây dựng đơn vị phát triển theo hướng hiện đại; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kinh doanh, phát triển năng lực của doanh nghiệp; phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn, đáp ứng yêu cầu về phát triển đô thị.

- Nâng cao công tác quản trị nguồn nhân lực chất lượng cao theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.
- Thường xuyên kiểm tra, rà soát xây dựng, điều chỉnh và thực hiện hiệu lực, hiệu quả các quy định, quy trình trình đặc biệt là trong công tác mua sắm; đầu tư xây dựng; sửa chữa tài sản, máy móc thiết bị, nhà xưởng, ... đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, liên thông nhằm thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

2. Đảm bảo, nâng cao hiệu quả hoạt động :

- Tăng cường công tác xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kiểm soát hiệu quả, giảm tỷ lệ thất thoát nước bền vững.
- Không ngừng phát triển nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, đáp ứng yêu cầu về phát triển đô thị; giữ vững thị phần ở những khu vực giáp ranh.
- Tăng cường công tác quản lý thu hồi công nợ, đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tập trung kiểm tra thường xuyên công tác quản lý doanh thu tiền nước; tính đủ, tính đúng lượng nước sử dụng và giá nước các đối tượng theo đúng quy định; giảm số lượng hóa đơn có tiêu thụ từ 0 - 4m³.
- Tăng cường quản lý công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm đảm bảo thực hiện tuân thủ đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan, nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Quản lý sử dụng vốn hiệu quả, thực hiện tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.
- Tăng cường chấn chỉnh trong hạch toán kế toán, kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế theo đúng quy định pháp luật hiện hành có liên quan.
- Nâng cao năng lực của Hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa, phát hiện xử lý những hạn chế, rủi ro trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; lập và trình bày Báo cáo Tài chính.

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023 :

Căn cứ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát; Quy chế quản trị Công ty, Ban kiểm soát lập kế hoạch hoạt động trong năm 2023 như sau :

- Thường xuyên giám sát việc chấp hành tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong quá trình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
- Tham dự đầy đủ các phiên họp Hội đồng Quản trị, các cuộc họp quan trọng của Công ty để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định.
- Tổ chức kiểm tra định kỳ, thẩm định các Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của; Báo cáo Tài chính quý, 6 tháng và năm của Công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản

lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

- Thực hiện chương trình kiểm tra theo chuyên đề liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty và đột xuất theo yêu cầu của Cổ đông (nếu có).
- Tham gia tập huấn, cập nhật thường xuyên nghiệp vụ chuyên môn và chính sách pháp luật có liên quan để phục vụ tốt công tác.
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trên đây là nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023. Ban Kiểm soát trân trọng báo cáo kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Thay mặt Ban kiểm soát Công ty, Tôi xin trân trọng cảm ơn đến các Quý vị Cổ đông, Quý vị Đại biểu, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã tin tưởng, ủng hộ và hỗ trợ cho Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2022.

Đề tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được cùng với tinh thần đoàn kết, nỗ lực và quyết tâm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV, tin tưởng Công ty sẽ thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông giao và Công ty phát triển ngày càng bền vững.

Kính chúc Quý vị Cổ đông, Quý vị Đại biểu luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Nơi nhận :

- Như trên ;
- HĐQT, BGĐ Công ty;
- Lưu : BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

B. ĐỀ XUẤT DANH SÁCH CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỀ THỰC HIỆN KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Kính trình : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Quyết định số 2324/QĐ-BTC ngày 14/11/2022 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023;
- Thư chào giá của 3 Công ty kiểm toán.

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ công ty về Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát đề xuất Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán được chấp thuận để thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty năm 2023 như sau :

1) Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là đơn vị kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023.
- Là đơn vị có uy tín, đội ngũ kiểm toán viên có nhiều kinh nghiệm.
- Không xung đột lợi ích khi thực hiện kiểm toán BCTC cho Công ty.
- Có mức phí dịch vụ phù hợp.

2) Nội dung kiểm toán gồm:

- Soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023.
- Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

3) Danh sách các đơn vị kiểm toán gồm :

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (MOORE AISC)

Trân trọng.

Nơi nhận :

- Như trên ;
- HĐQT, BGĐ;
- Lưu : BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

PHẦN III | BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Phân tích tổng quan về hoạt động năm 2022

- Thuận lợi:
 - Thành phố Thủ Đức được thành lập trên cơ sở sáp nhập Quận 2, 9 và quận Thủ Đức trực thuộc thành phố Hồ Chí Minh. Trong tương lai, khu vực hoạt động của TDW sẽ trở thành khu vực sầm uất nhất TP.HCM với sự gia tăng mật độ dân số và sự phát triển ồ ạt của các khu đô thị tại đây. Nắm bắt được tình hình đó, Ban lãnh đạo Công ty đã nhanh chóng lập kế hoạch kinh doanh nhằm đảm bảo nhu cầu tiêu dùng nước sạch của người dân và cũng như tối đa hoá lợi nhuận cho doanh nghiệp;
 - Được sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ của Đảng ủy; Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban chức năng trực thuộc Tổng Công ty.
 - Có sự đoàn kết, gắn bó trong đơn vị và sự chỉ đạo kịp thời của Đảng ủy, Hội Đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty tạo điều kiện nâng cao hiệu quả công việc.
 - Được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương trong công tác thống kê số hộ chưa được cấp nước; nhanh chóng cấp phép đào đường, hỗ trợ giải quyết, kiểm tra đối với các trường hợp gian lận trong việc sử dụng nước của khách hàng.
- Khó khăn:
 - Tốc độ đô thị hóa cao, hệ thống hạ tầng phát triển mạnh tuy nhiên lại không đồng bộ, dẫn đến tình trạng xây dựng chằng chéo lên nhau làm cho ống cấp nước bị chôn sâu, gây khó khăn cho công tác dò bể, thi công sửa bể, cũng như khó khăn cho công tác quản lý mạng lưới.
 - Một số chỉ tiêu đầu tư xây dựng gặp nhiều khó khăn trong công tác thỏa thuận tuyến ống và chờ bàn giao mặt bằng thi công dẫn đến một số dự án chưa thực hiện được. Một số công trình thi công gặp trở ngại do vướng các công trình hạ tầng khác phải cắt giảm khối lượng.
 - Do tác động của đại dịch Covid-19 vẫn còn ảnh hưởng vào những tháng đầu năm, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Thủ Đức chưa thể phục hồi hoàn toàn đặc biệt là các lĩnh vực đầu tư bất động sản, hoạt động sản xuất kinh doanh tại các khu công nghiệp đã ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu của công ty.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách và lý lịch Ban điều hành (tính đến 31/12/2022)

Họ và tên	Chức vụ	Trình độ	Năm sinh	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
Nguyễn Công Minh	TV.HĐQT –Giám đốc	Kỹ sư Xây dựng; Kỹ sư cấp thoát nước,	1973	26/4/2022	- Đại diện 1.083.750 cổ phần của Tổng công ty

Họ và tên	Chức vụ	Trình độ	Năm sinh	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
Nguyễn Thị Thùy Linh	Phó giám đốc	Cử nhân Quản trị kinh doanh	1984	01/8/2022	Cấp nước Sài Gòn tại TDW, chiếm tỷ lệ 12,75% - Sở hữu 800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% 0%
Phạm Huỳnh Bá Đạt	Phó giám đốc	Kỹ sư XD Dân dụng và Công nghiệp	1973	08/9/2022	0%
Cao Hữu Lộc	Kế toán trưởng	Thạc sĩ kinh tế	1976	12/6/2020	0%

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

2.2.1 Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số cán bộ, nhân viên: 438 người

Stt	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	438	100
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	167	38
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	87	20
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	21	5
4	Lao động phổ thông	162	37
II	Theo đối tượng lao động	438	100
1	Lao động trực tiếp	182	42
2	Lao động gián tiếp	256	58
III	Theo giới tính	438	100
1	Nam	339	77
2	Nữ	99	23
IV	Theo thời hạn HĐLĐ	438	100
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	0
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	64	15
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	374	85
V	Theo cấp quản lý	438	100
1	Quản lý cấp cao	7	2
2	Quản lý cấp trung	33	8
3	Chuyên viên, nhân viên	398	90

Stt	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
VI	Theo độ tuổi	438	100
1	Từ 18 đến 25 tuổi	6	1
2	Từ 25 đến 36 tuổi	126	29
3	Từ 36 đến 45 tuổi	145	33
4	Trên 45 tuổi	161	37
Tổng cộng		438	100

2.2.2 Chính sách đối với người lao động.

a) Chế độ làm việc:

Sự an toàn trong quá trình làm việc của cán bộ công nhân viên luôn được Ban lãnh đạo đặt lên hàng đầu, vì vậy các trang thiết bị hỗ trợ và bảo vệ cho người lao động được Công ty lắp đặt, cung cấp đầy đủ. Bên cạnh đó, người lao động được khám sức khỏe định kỳ tại các bệnh viện uy tín do Công ty tổ chức.

Công ty thực hiện chế độ làm việc theo quy định của Luật Lao động 8 giờ/ngày, 5 ngày/tuần và bố trí thời gian nghỉ trưa thích hợp. Ngoài ra, Công ty cũng quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động thông qua việc phối hợp với Công đoàn tổ chức cho người lao động tham quan, du lịch hằng năm; Tổ chức các giải thi đấu thể thao, khuyến khích nhân viên tham gia rèn luyện để tăng cường sức khỏe.

b) Chính sách đào tạo:

Nguồn nhân lực luôn là yếu tố cốt lõi trong quá trình hình thành và phát triển Công ty nên chất lượng đội ngũ nhân viên được Ban lãnh đạo quan tâm. Vì vậy, các buổi đào tạo được Công ty tổ chức thường xuyên nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn, kiến thức để đảm bảo nhân viên hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất. Đặc biệt đối với bộ phận lao động trực tiếp, Công ty khuyến khích nhân viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao tay nghề như thi nâng bậc, học các quy trình mới,... qua các khóa học ngắn hạn. Việc tổ chức dự thi tay nghề được thực hiện đúng trường hợp, đúng thời hạn.

c) Chính sách lương, thưởng:

Ban lãnh đạo tin rằng chỉ những nhân viên được chăm sóc toàn diện về vật chất và tinh thần thì mới có thể tạo ra sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao và đáp ứng hiệu quả nhu cầu của khách hàng. Vì vậy, chính sách lương, thưởng luôn được công ty chú trọng và thực hiện đúng quy định. Thêm vào đó, quy chế lương, thưởng được phân bổ theo quy định của Công ty sao cho phù hợp với năng lực, tiến độ, khối lượng công việc và công bằng, bình đẳng.

Bên cạnh đó, Công ty tổ chức đánh giá thi đua nhằm khen thưởng các cá nhân đạt thành tích tốt, thưởng đột xuất với các nhân viên hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc.

d) Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động:

Chăm lo đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động là mối quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo Công ty để người lao động yên tâm, gắn bó với công việc, phục vụ tốt

công tác. Trong năm 100% CB.CNLD được mua bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm nhân thọ, và được khám sức khỏe định kỳ.

Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn, bố trí sắp xếp phòng nghỉ cho cán bộ, công nhân lao động trực sửa bể đêm.

Tổ chức phát quà cho các cháu học sinh giỏi, và trao học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho con em CB.CNLD có hoàn cảnh khó khăn nhưng hiếu học, tổ chức vui Tết thiếu nhi cho con em người lao động.

Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho người lao động nhằm tái tạo sức lao động thông qua các hoạt động Hội thao, các cuộc thi văn nghệ, viết bản tin nội bộ...

3. Kết quả hoạt động năm 2022:

3.1 Kết quả sản xuất kinh doanh

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH
1	Nước cung cấp (qua ĐHN)	1000 m ³	102.600	101.728	99,15
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr.đồng	1.178.774	1.179.548	100,07
3	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100
4	Tỷ lệ nước thất thoát thất thu	%	14,70	14,22	thấp hơn 0,48%

3.2 Đánh giá kết quả thực hiện

Trước áp lực của xã hội về sản phẩm thiết yếu phục vụ cuộc sống, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao về chất lượng sản phẩm phục vụ. Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã có nhiều cách làm đột phá để đạt được các chỉ tiêu đề ra, cân đối hài hoà giữa hiệu quả hoạt động kinh doanh và phục vụ xã hội.

a) Sản lượng nước cung cấp:

Sản lượng nước cung cấp năm 2022 đạt 101,728 triệu m³, đạt 99,15% kế hoạch năm 2022 và bằng 105,18% so với thực hiện năm 2021.

Để đạt được kết quả khả quan như trên chủ yếu là do trong năm 2022 Bằng nhiều giải pháp, nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, cải tiến trong công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công, tăng cường kiểm tra hạ cở, thay thế các đồng hồ nước cũ, chạy bất thường đo đếm không chính xác, thay định kỳ các đồng hồ đến hạn, kiểm soát tốt tỷ lệ thất thoát nước trên địa bàn. Bên cạnh đó, việc điều tiết áp lực cho các khu vực đã có mạng lưới cấp nước nhưng áp lực yếu đảm bảo đáp ứng nhu cầu người dân. Sản lượng nước tiêu thụ trung bình trong năm 2022 đạt 8,5 triệu m³/tháng.

b) Doanh thu tiền nước:

Thực hiện chương trình nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, Công ty đã chủ động liên hệ với các ngân hàng và các tổ chức thu hộ. Việc mở rộng các kênh thanh toán đã tạo thuận lợi cho khách hàng cũng như tăng tỷ lệ thực thu, giảm rủi ro cho công tác thu tiền của đơn vị.

Nhờ vào các biện pháp quản lý chặt chẽ và với sự nỗ lực của tập thể nên tỷ lệ thực thu luôn đạt ở mức cao.

c) Chỉ tiêu tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch:

Với nhiệm vụ cung cấp nước sạch trên địa bàn Thành phố Thủ Đức, Công ty đã triển khai thực hiện bằng nhiều biện pháp như: Thực hiện các dự án phát triển mạng lưới cấp nước, tập trung thi công hoàn tất, nhanh chóng đưa vào sử dụng, ưu tiên cho công tác gắn đồng hồ nước để người dân có nước sạch sử dụng. Ở những khu vực chưa phát triển mạng lưới cấp nước, Công ty đã lắp đặt các bồn chứa nước để cung cấp nước sạch hoặc gắn đồng hồ tổng.

Với sự quyết tâm, chỉ đạo thực hiện bằng nhiều biện pháp của lãnh đạo, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ công nhân lao động, năm 2022 Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao về chỉ tiêu tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch.

d) Công tác giảm nước thất thoát thất thu:

Công tác giám sát, quản lý chặt chẽ hệ thống mạng lưới cấp nước cũng được chú trọng quan tâm nhiều hơn, tình trạng xì bể trên mạng lưới được khắc phục kịp thời, nhanh chóng. Những trường hợp xì bể lớn do các công trình hạ tầng thi công ồ ạt kéo dài trên địa bàn Công ty đều được Công ty xử lý kịp thời, giúp giảm thiểu lượng nước thất thoát thất thu.

4. Những tiến bộ đã đạt được

- Hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Triển khai nhiều giải pháp đồng bộ trong công tác giảm nước thất thoát.
- Không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ xã hội cũng là nhiệm vụ chính trị là nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn.
- Doanh thu năm sau đều tăng so với năm trước.
- Trang thiết bị kỹ thuật được cải tiến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý mạng lưới cấp nước; có động thái tích cực, hiệu quả trong việc giảm tỷ lệ nước thất thoát thất thu.
- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính giải quyết nhanh chóng yêu cầu của khách hàng...

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, BCTC 2022 ĐÃ KIỂM TOÁN

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022 như sau:

1. Kết quả hoạt động tài chính năm 2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng Doanh thu	tr. đồng	1.188.776	1.203.393	101,23%
2	Lợi nhuận trước thuế	tr. đồng	42.204	61.046	144,64%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH
3	Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	33.763	47.520	140,74%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSHbq	%	18,35	21,35	116,35%

2. Tình hình tài sản:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	TH 2022/ TH 2021	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Tài sản ngắn hạn	194.859	233.857	120,01 %	46,71%	50,63 %
Tài sản dài hạn	222.323	228.051	102,58 %	53,29%	49,37%
Tổng tài sản	417.182	461.908	110,72 %	100%	100%

3. Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	TH 2022/ TH 2021	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Nợ ngắn hạn	163.074	192.310	117,93 %	78,69%	84,86%
Nợ dài hạn	44.161	34.304	77,68 %	21,31%	15,14 %
Tổng nợ phải trả	207.235	226.613	109,35 %	100%	100%

4. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,22	1,19
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,91	0,87
2	Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn			
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	49,06	49,68
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	96,31	98,71
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	14,44	20,76
	Vòng quay tổng tài sản	vòng	2,69	2,39
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,00	6,1
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	20,20	30,4
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	10,30	15,3

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần	%	0,05	0,06

5. Ý kiến của Kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính năm 2022:

Trích Báo cáo kiểm toán độc lập của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức năm 2022.

▪ Ý kiến của kiểm toán viên

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Báo cáo tài chính thông tin trình bày tại các thuyết minh số 11, 17 và số 29 - Bản Thuyết minh báo cáo tài chính, về việc trong năm 2022 Công ty đã thực hiện xử lý tài chính và hạch toán kế toán liên quan đến 11 dự án đã tạm tăng tài sản

(Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của đơn vị kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty)

▪ Nội dung Báo cáo tài chính 2022 đã kiểm toán.

Toàn văn Báo cáo tài chính năm 2022 Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC được công bố tại mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty. www.capnuocthuduc.vn

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BGĐ;
- Lưu

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Minh

PHẦN IV | ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1. Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2023

a) Mục tiêu:

- Gia tăng sản lượng nước tiêu thụ.
- Bảo toàn, sử dụng hiệu quả đồng vốn của Công ty.
- Duy trì hoạt động kinh doanh có lãi, đảm bảo và nâng cao thu nhập, chăm lo đời sống tinh thần của CBCNV.
- Đảm bảo chất lượng nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ theo các tiêu chuẩn quy định của nhà nước. Duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch.
- Tỷ lệ nước thất thoát thất thu: 14,00%.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản lý và khai thác hạ tầng kỹ thuật.

b) Nhiệm vụ chủ yếu:

- Phát triển mạng lưới cấp nước trên khu vực.
- Phát triển khách hàng sử dụng nước.
- Tiếp tục mở rộng thực hiện phân vùng tách mạng các đồng hồ tổng cho công tác giảm thất thoát nước thất thu.
- Giữ vững tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch.
- Giảm tỷ lệ thất thoát nước.

2. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2023
A	Sản xuất kinh doanh		
1	Nước tiêu thụ (qua ĐHN)	m ³	107.000.000
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr.đồng	1.253.612
3	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100,00
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	14,00
B	Tài chính		
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	1.260.552
2	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	54.986
3	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	43.989
4	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân	%	17,91
5	Cổ tức	%	12,00
C	Quỹ tiền lương Người quản lý		

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2023
1	Quỹ tiền lương	tr.đồng	2.722
2	Thù lao HĐQT/BKS (không chuyên trách)	tr.đồng	504

3. Biện pháp thực hiện:

a) Công tác điều hành và tổ chức.

- Tăng cường chỉ đạo tập trung thống nhất, nâng cao năng lực bộ máy điều hành và quản lý của Công ty theo hướng phân cấp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật của Nhà nước.
- Tiếp tục công tác xây dựng và cải tiến các qui chế làm việc tại các phòng chức năng nhằm phát huy sự liên kết và phối hợp trong toàn Công ty tạo tiền đề cho việc hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh đã đề ra.
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tạo sự đoàn kết, đảm bảo sự hài hoà giữa lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân để gắn kết mọi người cùng hành động vì mục tiêu chung là phát triển doanh nghiệp một cách bền vững.
- Cải tiến quy trình giải quyết công việc giữa các phòng chức năng; tiếp tục xây dựng hoàn thiện và thực hiện quy trình giải quyết các dịch vụ khách hàng “một cửa một dấu”, tránh phiền hà cho người dân, nâng cao trách nhiệm và tinh thần phục vụ của bộ phận dịch vụ khách hàng.
- Rà soát, xây dựng lại các quy định, quy trình xử lý nợ tiền nước, gian lận, sử dụng nước bất hợp pháp... để giải quyết công việc một cách nhanh chóng, công bằng, khách quan, tránh tình trạng tiêu cực, móc nối với khách hàng.
- Tiếp tục duy trì và phát triển website công ty tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể tra cứu thông tin, trao đổi về các dịch vụ cung cấp của công ty một cách thuận tiện nhất.

b) Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

- Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện mô hình “chăm sóc khách hàng” rút ngắn thời gian giải quyết các yêu cầu của khách hàng.
- Tuyên truyền giáo dục cán bộ công nhân viên nêu cao tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân, phục vụ khách hàng.
- Xây dựng quy trình một cách khoa học trong việc giải quyết yêu cầu, đề nghị của khách hàng, tuyệt đối tránh để tồn đọng hồ sơ. Từng phòng, ban, đội xây dựng quy trình làm việc, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ.
- Nghiên cứu, xây dựng ứng dụng chăm sóc khách hàng trực tuyến tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng sử dụng dịch vụ của công ty.
- Phối hợp cùng chính quyền địa phương giải quyết nhanh chóng các yêu cầu về cấp nước của nhân dân.

c) Tăng sản lượng nước tiêu thụ.

- Tăng cường công tác quản lý khách hàng, tiếp tục triển khai công tác chống gian lận nước. Triệt để giải quyết các hóa đơn bằng không; hóa đơn tính trung bình nhiều kỳ. Bộ phận đọc chỉ số đồng hồ nước phải có biện pháp để tiếp cận đồng hồ nước.
- Tăng cường công tác kiểm tra các đồng hồ nước có chỉ số tiêu thụ bất thường.
- Đẩy nhanh công tác phát triển mạng lưới, gắn mới đồng hồ nước cho khách hàng giảm thiểu các giải pháp cấp nước tạm thời bằng xe bồn, cấp nước qua đồng hồ tổng.

d) Nâng cao chất lượng mạng lưới cấp nước.

- Tăng cường công tác giám sát thi công, giám sát tái lập mặt đường các công trình phát triển và cải tạo ống mục trên địa bàn quản lý, nhằm đảm bảo công trình thực hiện đúng theo thiết kế được duyệt. Nghiêm túc thực hiện các quy định về quản lý, giám sát các hạng mục khuất lấp, các điểm đầu nối, phối hợp tốt với chính quyền và nhân dân tăng cường công tác giám sát cộng đồng.
- Giám sát chặt chẽ công tác vệ sinh đường ống trong quá trình thi công lắp đặt các tuyến ống cấp nước.
- Tăng cường công tác kiểm tra và bảo trì các trụ cứu hỏa, hòng coi van, ổ khóa trên địa bàn.
- Tăng cường công tác quản lý lý lịch đồng hồ nước, tiến hành thay định kỳ đối với các đồng hồ nước đến hạn thay thế.
- Tập trung thay đồng hồ nước hư, ngưng chạy, chạy bất thường và chạy lết.

đ) Chống thất thoát nước.

- Tiếp tục hoàn thiện Mô hình thủy lực tổng thể mạng lưới cấp nước của Công ty để đánh giá hiện trạng áp lực trên toàn mạng lưới cấp nước nhằm có phương án quy hoạch lại mạng lưới cấp nước theo định hướng phát triển của Tp.Thủ Đức.
- Lắp đặt bổ sung 30 datalogger quản lý áp lực tại các vị trí bất lợi nhằm phục vụ cho công tác điều tiết mạng lưới và cân chỉnh mô hình thủy lực.
- Triển khai thí điểm mô hình DMA thông minh cho 03 DMA (DMA Riverside, DMA 742 Nguyễn Xiển, DMA KP 3 Hiệp Bình Phước, DMA Bình Thọ) trên địa bàn quản lý của Công ty.
- Hoàn tất công tác lắp đặt tủ quan trắc chất lượng nước số 39 Thống Nhất Bình Thọ (DMA Bình Thọ), Số 97 Quang Trung P.Tăng Nhơn Phú B (DMA Cư Xá Kiến Thiết), xây dựng phát triển phần mềm giám sát chất lượng nước online kết hợp cảnh báo khi chất lượng nước biến động theo chiều hướng xấu. Định hướng trong năm 2023 tiếp tục xây dựng các mô hình quản lý chất lượng nước, mô hình nước uống tại vòi trên địa bàn Công ty.

e) Công tác kiểm tra.

Chủ động kiểm tra rà soát sản lượng, giá biểu, định mức ngay từ khâu nhận hồ sơ khách hàng đến khâu hoàn công... Bấm chỉ toàn bộ đồng hồ nước trên địa bàn quản lý; kiểm

tra tình trạng sử dụng nước của khách hàng, tình trạng gian lận nước để xử lý kịp thời trên diện rộng, đồng thời kết hợp với chính quyền địa phương và quần chúng nhân dân phát hiện gian lận nước, áp dụng quy chế thưởng hợp lý cho người có công phát hiện gian lận.

g) Phát triển mạng cấp nước, SCOM, gắn và thay đồng hồ nước khách hàng.

- Chủ động cân đối nguồn vốn thực hiện dự án phát triển mạng lưới cấp nước; Đảm bảo giải quyết 100% các hộ dân được gắn đồng hồ nước ở các khu vực đã có mạng lưới cấp nước.
- Tập trung làm tốt và làm nhanh hồ sơ dự án ở khâu chuẩn bị đầu tư như (báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo khảo sát thiết kế, lập dự toán thi công...) để chuyển nhanh sang bước thực hiện đầu tư.
- Tăng cường công tác phối hợp giữa các Phòng, Ban, Đội liên quan để đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án.
- Chủ động mua sắm vật tư, trang thiết bị ngay trong quý I để có cơ sở hoàn thành kế hoạch.
- Thống kê các khu vực đường ống có tuổi thọ lâu năm, xì bể nhiều lần để đưa vào kế hoạch cải tạo, thay mới.

h) Công tác quản lý tài chính, quản lý vật tư tài sản, máy móc thiết bị.

- Tổ chức thực hiện quy trình quản lý tài chính, vật tư theo đúng quy định.
- Triển khai kịp thời công tác đấu thầu dự án mua sắm vật tư theo đúng quy định, đảm bảo tính công bằng, lựa chọn nhà thầu có năng lực.
- Cân đối sử dụng hợp lý và quản lý chặt chẽ nguồn vốn.
- Thực hiện chế độ Báo cáo tài chính theo đúng quy định của Nhà nước.

k) Chống lãng phí và thực hành tiết kiệm.

Thực hiện chủ trương của nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần ổn định hoạt động của đơn vị, công tác chống lãng phí là rất thiết thực và cấp bách, đòi hỏi mỗi cán bộ công nhân lao động phải nâng cao ý thức tiết kiệm, chống lãng phí, đây cũng là tiêu chí hàng đầu mà đơn vị đặt ra ngang tầm với chiến lược kinh doanh của đơn vị, các nội dung chính cần thực hành tiết kiệm là:

- Tiết kiệm trong quản lý, sử dụng tài sản.
- Thực hiện nghiêm chỉnh quy chế tự kiểm tra, công khai dân chủ.
- Tiết kiệm trong lĩnh vực cải cách hành chính, điện thoại, điện, nước.
- Tiết kiệm trong quản lý đầu tư, mua sắm và sử dụng vật tư, máy móc thiết bị.
- Phát hiện và xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cán bộ công nhân lao động.

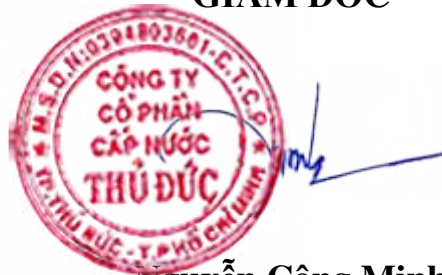
1) Công tác thi đua, đời sống

- Công đoàn, Đoàn thanh niên cùng chủ động phối hợp phát động phong trào thi đua hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, đồng thời hưởng ứng các đợt thi đua do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức phát động.
- Duy trì các hoạt động thực hiện nếp sống văn minh đô thị, văn minh trong công sở, chống ô nhiễm môi trường, giữ gìn vệ sinh nơi làm việc.
- Thông qua phong trào thi đua, phát hiện các nhân tố tích cực để đào tạo bồi dưỡng giới thiệu cho các Chi bộ.
- Cải thiện đời sống cho cán bộ công nhân lao động.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BGĐ;
- Lưu

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Minh

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức kính trình và xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán và Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức.**a) Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.**

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	1.188.776	1.203.393	101,23%
2	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	42.204	61.046	144,64%
3	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	33.763	47.520	140,74%
4	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân	%	18,35	21,35	116,35%

b) Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	47.519.739.206
2	Chia cổ tức	
2.1	Chia cổ tức từ lợi nhuận kinh doanh năm 2022 Tỷ lệ: 14% vốn điều lệ	11.900.000.000
2.2	Chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của các năm trước. Tỷ lệ: 20% vốn điều lệ	17.000.000.000
3	Trích lập các quỹ	
3.1	Đầu tư phát triển :	-
3.2	Khen thưởng – Phúc lợi xã hội	15.000.000.000
3.3	Khen thưởng Người quản lý	379.274.400

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối kỳ này	20.240.464.806
5	LN chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	49.400.882.630
	<i>Lợi nhuận chưa phân phối tăng do KTNN kiểm toán BCTC 2021</i>	<i>31.786.140.706</i>
	<i>Lợi nhuận chưa phân phối các kỳ trước</i>	<i>17.614.741.924</i>
6	Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối	69.641.347.436

c) Chi trả cổ tức

Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định thời điểm chi trả cổ tức theo quy định.

2. Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý; Thù lao HĐQT, BKS năm 2022; Kế hoạch thù lao năm 2023.

Stt	Nội dung	Đvt	Số tiền
1	Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý năm 2022	đồng	3.034.195.200
2	Thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022	đồng	504.000.000

3. Kế hoạch SXKD, Kế hoạch tài chính và Quỹ tiền lương của NQL năm 2023

a) Chỉ tiêu kế hoạch:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2023
A	Sản xuất kinh doanh		
1	Nước tiêu thụ (qua ĐHN)	m ³	107.000.000
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr.đồng	1.253.612
3	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	14,00
B	Tài chính		
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	1.260.552
2	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	54.986
3	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	43.989
4	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân	%	17,91
5	Cổ tức	%	12,00
C	Quỹ tiền lương Người quản lý; Thù lao HĐQT, BKS năm 2023		
1	Quỹ tiền lương Người quản lý	tr.đồng	2.722

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2023
2	Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người phụ trách quản trị (kiêm thư ký) năm 2023:		
	Thành viên HĐQT (không chuyên trách)	đ/người/tháng	6.000.000
	Thành viên BKS (không chuyên trách)	đ/người/tháng	4.000.000
	Người phụ trách quản trị công ty (kiêm Thư ký công ty)	đ/người/tháng	5.000.000
	Mức thù lao trên không bao gồm tiền lương, thu nhập của các chức vụ kiêm nhiệm tại công ty.		

b) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định điều chỉnh kế hoạch theo tình hình thực tế tại đơn vị.

4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023:

a) Ban kiểm soát đề xuất danh sách các đơn vị kiểm toán để lựa chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 tại Công ty gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (MOORE AISC)

b) Trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị kiểm toán theo danh sách nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

5. Thông qua việc ký kết Hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên.

5.1. Hợp đồng giao dịch năm 2022

Stt	Nội dung hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đồng)
1	Mua bán sỉ nước sạch năm 2022 (đơn giá 6.743,94 đồng/m ³)	840.177.613.163
2	Chuyển nhượng vật tư chuyên ngành	14.638.405.320
3	Thuê tài sản hoạt động (mạng lưới cấp nước)	11.470.346.693
4	Bồi dưỡng thi nâng bậc thợ	24.000.000
5	Đào tạo kỹ thuật vận hành DMA; kỹ thuật thi công ống nhánh, đại tích hợp van	38.400.000
	Cộng	866.348.765.176

5.2 Hợp đồng giao dịch năm 2023.

Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua dự thảo các hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn và giao Giám đốc công ty ký kết các hợp đồng sau:

a) Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định giá mua bán sỉ nước sạch năm 2023 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2024 cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.

Giám đốc công ty ký Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch sau khi được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị về đơn giá mua bán sỉ.

b) Hợp đồng thuê lại mạng lưới cấp nước do Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn đầu tư trên địa bàn để quản lý và khai thác sau khi đã được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

c) Hợp đồng nhượng vật tư chuyên ngành nước; và các Hợp đồng khác để phục vụ cho hoạt động của đơn vị.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện các giao dịch trên trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.

6. Tạm ứng cổ tức năm 2023.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tạm ứng cổ tức năm 2023 tùy vào tình hình sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tổng Đăng Khoa

PHẦN VI | **BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT** **NHIỆM KỲ 2022 - 2027**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Căn cứ Quy định tại Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020; và Điều 26 Điều lệ Công ty quy định về cơ cấu Hội đồng quản trị, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định, có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên.

Để thực hiện quy định về quản trị công ty, tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức sẽ tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 (thành viên độc lập) với nội dung sau::

- 1) Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 (chức danh thành viên HĐQT độc lập): 02 thành viên
- 2) Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị /thành viên Hội đồng quản trị độc lập và phương thức bầu cử thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 5) Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2027, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị đính kèm.

Giấy đề cử ứng cử gửi về trụ sở của Công ty trước 16h30' ngày 14/4/2023 (Địa chỉ: Số 8 Khổng Tử, phường Bình Thới, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM. Điện thoại: 19001012, Fax: 028 3896 0241, Email:cntd@Capnuocthuduc.vn)

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Công Đăng Khoa

QUY CHẾ

BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 được tiến hành theo những quy định sau đây:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử:

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt ngày 23/3/2023 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp).

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Căn cứ Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị được quy định như sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây.

Ngoài tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

Điều 3. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

b) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hồ sơ ứng cử , đề cử Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

1. Hồ sơ ứng cử.

- Đơn xin đề cử, ứng cử (theo mẫu).
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu, có dán ảnh).
- Bản sao có công chứng CMND/CCCD/Hộ chiếu, các văn bằng, chứng chỉ.
- Các giấy tờ có liên quan khác (nếu có).

2. Danh sách ứng cử.

a) Danh sách ứng viên được sắp xếp theo thứ tự A,B,C theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

b) Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được công bố trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty www.capnuocthucduc.vn để cổ đông có thể tìm hiểu trước khi bỏ phiếu.

Điều 6. Phương thức bầu cử

- a) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- b) Trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ.

Điều 7. Nguyên tắc trúng cử:

- a) Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.
- b) Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 8. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

- a) Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ; số và tỷ lệ phiếu biểu quyết cho từng ứng cử viên, danh sách trúng cử;
- b) Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Chủ tọa công bố trước Đại hội.

Điều 9. Khiếu nại và xử lý khiếu nại.

- a) Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa đại hội giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội.
- b) Quy chế này gồm 8 Điều và có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Lưu

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tống Đăng Khoa

PHẦN VII | DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : /NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ

Tp.HCM, ngày 19 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức ngày 19 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo công tác quản trị năm 2022 của Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát.
3. Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Một số chỉ tiêu chủ yếu đạt được như sau:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH
1	Nước cung cấp (qua ĐHN)	1000 m ³	102.600	101.728	99,15
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr.đồng	1.178.774	1.179.548	100,07
3	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100
4	Tỷ lệ nước thất thoát thất thu	%	14,70	14,22	thấp hơn 0,48%

4. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	1.188.776	1.203.393	101,23%
2	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	42.204	61.046	144,64%

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ TH/KH
3	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	33.763	47.520	140,74%
4	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân	%	18,35	21,35	116,35%

5. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022

a) Phân phối lợi nhuận

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	47.519.739.206
2	Chia cổ tức	
2.1	Chia cổ tức từ lợi nhuận kinh doanh năm 2022 Tỷ lệ: 14% vốn điều lệ	11.900.000.000
2.2	Chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối các năm trước. Tỷ lệ: 20% vốn điều lệ	17.000.000.000
3	Trích lập các quỹ	
3.1	Đầu tư phát triển :	-
3.2	Khen thưởng – Phúc lợi xã hội	15.000.000.000
3.3	Khen thưởng Người quản lý	379.274.400
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối kỳ này	20.240.464.806
5	LN chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	49.400.882.630
	<i>Lợi nhuận chưa phân phối tăng do KTNN kiểm toán BCTC 2021</i>	<i>31.786.140.706</i>
	<i>Lợi nhuận chưa phân phối các kỳ trước</i>	<i>17.614.741.924</i>
6	Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối	69.641.347.436

b) Chi trả cổ tức.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định thời điểm chi trả cổ tức và thực hiện chi trả theo quy định.

6. Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý; Thù lao HĐQT, BKS năm 2022.

Stt	Nội dung	Đvt	Số tiền
1	Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý năm 2022	đồng	3.034.195.200
2	Thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022	đồng	504.000.000

7. Kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kế hoạch tài chính; Quỹ tiền lương Người quản lý; Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023.

a) Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023.

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2023
A	Sản xuất kinh doanh		
1	Nước tiêu thụ (qua ĐHN)	m ³	107.000.000
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr.đồng	1.253.612
3	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	14,00
B	Tài chính		
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	1.260.552
2	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	54.986
3	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	43.989
4	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân	%	17,91
5	Cổ tức	%	12,00
C	Quỹ tiền lương Người quản lý; Thù lao HĐQT, BKS năm 2023		
1	Quỹ tiền lương Người quản lý	tr.đồng	2.722
2	Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người phụ trách quản trị (kiêm thư ký) năm 2023:		
	Thành viên HĐQT (không chuyên trách)	đ/người/tháng	6.000.000
	Thành viên BKS (không chuyên trách)	đ/người/tháng	4.000.000
	Người phụ trách quản trị công ty (kiêm Thư ký công ty)	đ/người/tháng	5.000.000
	Mức thù lao trên không bao gồm tiền lương, thu nhập của các chức vụ kiêm nhiệm tại công ty.		

b) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định điều chỉnh kế hoạch theo tình hình thực tế tại đơn vị.

8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

a) Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 tại Công ty gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (MOORE AISC)

b) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị kiểm toán theo danh sách nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

9. Thông qua việc ký kết Hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên gồm các hợp đồng sau:

9.1. Hợp đồng giao dịch năm 2022

Stt	Nội dung hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đồng)
1	Mua bán sỉ nước sạch năm 2022 (đơn giá 6.743,94 đồng/m ³)	840.177.613.163
2	Chuyển nhượng vật tư chuyên ngành	14.638.405.320
3	Thuê tài sản hoạt động (mạng lưới cấp nước)	11.470.346.693
4	Bồi dưỡng thi nâng bậc thợ	24.000.000
5	Đào tạo kỹ thuật vận hành DMA; kỹ thuật thi công ống ngành, đại tích hợp van	38.400.000
	Cộng	866.348.765.176

9.2 Hợp đồng giao dịch năm 2023.

Thông qua dự thảo các hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn và giao Giám đốc công ty ký kết các hợp đồng sau:

a) Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định giá mua bán sỉ nước sạch năm 2023 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2024 cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.

Giám đốc công ty ký Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch sau khi được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị về đơn giá mua bán sỉ.

b) Hợp đồng thuê lại mạng lưới cấp nước do Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn đầu tư trên địa bàn để quản lý và khai thác sau khi đã được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

c) Hợp đồng nhượng vật tư chuyên ngành nước; và các Hợp đồng khác để phục vụ cho hoạt động của đơn vị.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện các giao dịch trên trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.

10. Tạm ứng cổ tức năm 2023.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tạm ứng cổ tức năm 2023 tùy vào tình hình sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

Điều 2. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Danh sách trúng cử làm thành viên Hội đồng quản trị (chức danh thành viên HĐQT độc lập) trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027 gồm:

- Ông/Bà
- Ông/Bà

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và Cổ đông chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBCKNN;
- SGDCK;
- Lưu.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Tổng Đăng Khoa

PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN BẦU DÒN PHIẾU

Mỗi phiếu bầu có ghi tên các ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị. Cổ đông dùng số phiếu bầu của mình ghi vào ô chọn cho người mà mình tín nhiệm cạnh danh sách tên của từng ứng cử viên và bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu. Trong trường hợp viết sai, cổ đông/đại diện cổ đông không được tẩy xóa mà phải yêu cầu Ban kiểm phiếu đổi lại phiếu mới.

a. Xác định tổng số quyền bầu cử:

Tổng số quyền bầu cử của cổ đông/đại diện cổ đông được xác định như sau:

$$\boxed{\text{Tổng số quyền bầu cử}} = \boxed{\text{Tổng số cổ phần nắm giữ hoặc đại diện}} \times \boxed{\text{Số thành viên được bầu}}$$

b. Cách thức bầu dồn phiếu.

Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên

Ví dụ :

Giả sử Đại hội đồng cổ đông biểu quyết số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu là **02** người, số ứng viên được đề cử là 04 người. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (5.000 cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

Tổng số phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông Nguyễn Văn A là:

(5.000 x 2) = 10.000 phiếu biểu quyết.

Cổ đông có thể bầu thành viên HĐQT theo phương thức bầu dồn phiếu như sau:

1) Phiếu bầu hợp lệ:

Stt	Họ và tên ứng viên	Cách thức bầu dồn phiếu khác nhau, cổ đông chọn 01 trong 3 cách sau		
		Cách 1: dồn tất cả quyền bầu cho 01 cổ đông	Cách 2: chia đều số quyền bầu cho các ứng viên	Cách 3: chia quyền bầu khác nhau cho một số ứng viên
1	Ứng cử viên A	10.000	5.000	7.000
2	Ứng cử viên B	0	5.000	0
3	Ứng cử viên C	0	0	0
4	Ứng cử viên D	0	0	3.000
	Tổng cộng	10.000	10.000	10.000
Phiếu hợp lệ do Số phiếu bầu không vượt quá Tổng số quyền biểu quyết				

2) Phiếu không hợp lệ.

Stt	Họ và tên ứng viên	Cách thức bầu dồn phiếu	
		Trường hợp 1	Trường hợp 2
1	Ứng cử viên A	15.000	4.000
2	Ứng cử viên B	0	3.000
3	Ứng cử viên C	0	0
4	Ứng cử viên D	0	3.000
	Tổng cộng	15.000	10.000
Lý do phiếu không hợp lệ		Vượt quá tổng quyền biểu quyết	Vượt quá số người được bầu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC - NHIỆM KỲ 2022-2027

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Tên cổ đông:

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD số:

Cấp ngày: tại

Địa chỉ thường trú :

Số cổ phần sở hữu liên tục ít nhất sáu tháng cho đến thời điểm hiện tại là :
 cổ phần, chiếm% tổng số 8.500.000 cổ phần có quyền biểu quyết mà Quý Công
 ty phát hành.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, tôi xin tự ứng cử là thành
 viên HĐQT (chức danh thành viên độc lập) của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
 trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào Hội đồng quản trị (thành viên độc
 lập) theo quy định của Điều lệ công ty và Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban
 kiểm soát

Tôi cam kết về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và cam
 kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty
 nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Cổ đông ứng cử

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ đính kèm bao gồm:

1. Sơ yếu lý lịch có dán ảnh (theo mẫu)
2. Bản sao CMND/Hộ chiếu có công chứng.
3. Bản sao bằng chứng nhận trình độ chuyên môn có công chứng.
4. Giấy ủy quyền ứng cử (nếu ứng cử viên được cổ đông / nhóm cổ đông là cá nhân ủy quyền ứng cử).

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**GIẤY ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT****CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC - NHIỆM KỲ 2022-2027****Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức**

Tên cổ đông:

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD số:

Cấp ngày: tại

Địa chỉ thường trú :.....

Số cổ phần sở hữu liên tục ít nhất sáu tháng cho đến thời điểm hiện tại là :
 cổ phần, chiếm% tổng số 8.500.000 cổ phần có quyền biểu quyết mà Quý Công
 ty phát hành.

Đồng ý đề cử các cá nhân có tên dưới đây làm thành viên Hội đồng quản trị (thành viên
 độc lập) trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Stt	Họ và tên	CMND/HC/ ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Vị trí đề cử

Tôi xin cam đoan các ứng viên được đề cử có đủ điều kiện để ứng cử làm thành viên Hội
 đồng quản trị theo quy định của Điều lệ công ty và Quy chế bầu Thành viên Hội đồng
 quản trị.

Tôi hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc đề cử này.

Cổ đông đề cử

(Ký và ghi rõ họ tên- đóng dấu nếu là pháp nhân)

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch có dán ảnh (mẫu).
- Bản sao CMND/Hộ chiếu có công chứng.
- Bản sao bằng chứng nhận trình độ chuyên môn có công chứng.
- Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Ảnh

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----oOo-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên:
2. Giới tính:
3. Ngày tháng năm sinh:
4. Nơi sinh:
5. CMND/CCCD Ngày cấp: Nơi cấp:
6. Quốc tịch:
7. Dân tộc:
8. Địa chỉ thường trú:
9. Số điện thoại :
10. Địa chỉ email:
11. Trình độ chuyên môn:
12. Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội)

13. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác

Stt	Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị	Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức danh quản lý khác

14. Tổng số cổ phần nắm giữ :

Trong đó:

Cổ phần đại diện:

Cá nhân sở hữu:

15. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty:

(Người có liên quan gồm: Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó)

Stt	Họ tên	Mối liên hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %

16. Những khoản nợ đối với Công ty:

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty:

18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Tôi cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát

Tp.HCM, ngày tháng năm 2023

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2023

HỢP ĐỒNG MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH

Số: _____/HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày ... tháng ... năm 2023 về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2023, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

**BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN (Bên bán)**

Trụ sở chính: Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974.

Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Do Ông : **Nguyễn Thanh Sử** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 75/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Ông Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC (*Bên mua*)

Trụ sở chính : Số 08 Khổng Tử, Phường Bình Thới, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 960 240 Fax: (84.8) 38 960 241

Tài khoản số : 102010000498746 tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – CN 14 Tp. Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0304803601

Do Ông : **Nguyễn Công Minh** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Thông nhất ký kết Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023 theo các điều khoản sau:

Điều 1: Khối lượng nước mua bán.

1.1 Bên A bán và Bên B mua khối lượng nước được xác định hàng kỳ qua các đồng hồ tổng, bao gồm: đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Danh sách các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này. Các đồng hồ tổng được định nghĩa như sau:

1.1.1 Đồng hồ tổng nguồn: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước đi vào mạng lưới cấp nước của Bên B.

1.1.2 Đồng hồ tổng tách mạng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước qua lại giữa mạng lưới cấp nước của Bên B với Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch với Bên A.

1.1.3 Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:

1.1.3.1. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng được nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2 của điều này.

1.1.3.2. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

1.2 Cân chỉnh và kiểm tra đồng hồ tổng:

- 1.2.1 Đồng hồ tổng phải đáp ứng các yêu cầu kiểm định theo quy định về đo lường của Nhà nước khi đưa vào sử dụng.
- 1.2.2 Định kỳ 05 (năm) năm một lần đối với đồng hồ cơ khí và định kỳ 03 (ba) năm một lần đối với đồng hồ điện tử, hai bên sẽ tiến hành kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng để đảm bảo đồng hồ tổng luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Chi phí kiểm tra, cân chỉnh do Bên A chịu.
- 1.2.3 Trong trường hợp một hoặc hai bên có yêu cầu kiểm tra, cân chỉnh do nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng, thì hai bên sẽ cùng thực hiện hoặc thuê bên thứ ba có chức năng thực hiện việc kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng. Chi phí sẽ do bên yêu cầu chịu. Trong thời gian kiểm định, cân chỉnh đồng hồ tổng thì Bên A sẽ thay thế bằng đồng hồ tổng khác để đo đếm lượng nước mua bán. Trường hợp không có đồng hồ tổng thay thế thì lượng nước mua bán sẽ được tính trung bình ngày của 03 (ba) kỳ liền kề trước đó.
- 1.2.4 Các kết quả kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng phải được lập thành văn bản có xác nhận của các bên tham gia.
- 1.2.5 Nếu đồng hồ tổng được xác định là sai, bên A sẽ thực hiện việc sửa chữa, thay thế trong thời gian sớm nhất.
- 1.3 Khối lượng nước mua bán trong một kỳ được xác định như Điều 2 của hợp đồng này.
- 1.4 Khối lượng nước tối thiểu mua bán trong một kỳ không nhỏ hơn **8.000.000 m³** (tám triệu mét khối).

Trong trường hợp khối lượng nước mua bán nhỏ hơn lượng nước tối thiểu thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền nước theo lượng nước tối thiểu được xác định ở trên, trừ trường hợp được nêu tại Điều 6, Điều 8 của hợp đồng này.

Điều 2: Ghi nhận, tính toán khối lượng nước mua bán.

2.1 Ghi nhận khối lượng nước mua bán:

- 2.1.1 Định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, hai bên cử đại diện cùng tiến hành ghi nhận tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) khối lượng nước mua bán trong một kỳ thông qua chỉ số tiêu thụ của các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trường hợp đối với đồng hồ tổng tách mạng, hai bên sẽ phối hợp cùng bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của bên A. Bên thứ ba và các đồng hồ tổng này được xác

định trước và lập thành danh sách để tiến hành cùng ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ.

Thời gian ghi nhận khối lượng nước mua bán thông qua số liệu của Data logger vào lúc 7h00 ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, khối lượng nước mua bán được tính theo chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng vào ngày 25 hàng tháng. Thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút. Việc ghi nhận khối lượng nước mua bán phải được lập thành biên bản để làm cơ sở cho việc thanh toán tiền nước mua bán.

2.1.2 Khối lượng nước giảm trừ:

Khi xảy ra các trường hợp được nêu tại Khoản 7.1.3, 7.2.3 Điều 7 thì căn cứ vào biên bản ghi nhận của hai bên để tính toán khối lượng nước mua bán trong kỳ.

Khối lượng nước giảm trừ được hai bên lập thành biên bản và thống nhất chậm nhất sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được nêu tại Khoản 2.1.1 Điều 2. Sau thời gian này, nếu hai bên không thống nhất được thì khối lượng nước mua bán trong kỳ sẽ không tính khối lượng nước giảm trừ. Khối lượng nước giảm trừ sẽ tiếp tục được hai bên thống nhất vào kỳ mua bán kế tiếp.

2.1.3 Trường hợp các đồng hồ tổng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì việc ghi nhận khối lượng nước được tính trung bình và/hoặc sẽ cùng thỏa thuận giữa các bên. Cách thực hiện được nêu tại Phụ lục 5 của hợp đồng này.

2.2 Tính toán khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán giữa hai bên là tổng khối lượng nước được ghi nhận theo quy định tại Khoản 2.1 của điều này.

Điều 3: Chất lượng nước sạch:

- 3.1 Chất lượng nước mua bán giữa hai bên đạt tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2018/BYT được ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế. Các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước mua bán được nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng này. Vị trí lấy mẫu nước để kiểm nghiệm chất lượng nước theo danh sách được

nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này. Danh mục các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước kiểm nghiệm hàng tháng được nêu tại mục II Phụ lục 2 của hợp đồng này.

3.2 Xác định vùng trách nhiệm về chất lượng nước:

3.2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ nhà máy của Bên A và/hoặc Nhà máy của các đơn vị khác mà Bên A có hợp đồng mua si nước sạch đến vị trí lắp đặt đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.2.2 Trách nhiệm của Bên B:

Bên B có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ vị trí sau đồng hồ tổng nguồn đến đến đồng hồ tổng tách mạng và từ vị trí sau đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.3 Kiểm nghiệm chất lượng nước mua bán:

3.3.1 Hàng tháng, Bên A và Bên B sẽ lấy 10 (mười) mẫu nước tại vị trí các đồng hồ tổng đã chọn trước được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này để tiến hành kiểm nghiệm hoặc gửi đến một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu được quy định tại mục II, Phụ lục 2 của hợp đồng này. Kết quả kiểm nghiệm là cơ sở để hai bên phân định trách nhiệm về chất lượng nước mua bán giữa hai bên. Chi phí kiểm nghiệm do Bên A chịu.

3.3.2 Bên B có quyền yêu cầu một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm tiến hành lấy mẫu nước tại vị trí được quy định tại khoản 3.3.1 của điều này để kiểm nghiệm đối chiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng nước do Bên A thực hiện. Chi phí kiểm nghiệm này do Bên B chịu.

3.3.3 Nếu có xảy ra phản ánh của khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước thì hai bên cùng tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó chịu chi phí kiểm nghiệm và thực hiện theo Điểm 7.3.1 Khoản 7.3 Điều 7 của hợp đồng này.

Điều 4: Đơn giá mua bán

- 4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3.1 Điều 1 của hợp đồng này là **6.743,94 đồng/m³**.
- 4.2 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.3.2 Điều 1 của hợp đồng này được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.
- 4.3 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- 4.4 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 5: Thanh toán

5.1 Hàng tháng Bên B thực hiện thanh toán tiền mua bán si nước sạch như sau:

- 5.1.1 Ngày 01 (một) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán số tiền là 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng cho Bên A.
- 5.1.2 Ngày 05 (năm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán tiếp số tiền là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng cho Bên A.
- 5.1.3 Ngày 10 (mười) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán tiếp số tiền là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng cho Bên A.
- 5.1.4 Ngày 15 (mười lăm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán tiếp số tiền là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng cho Bên A.
- 5.1.5 Ngày 20 (hai mươi) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán dứt điểm số tiền còn lại cho Bên A.
- 5.1.6 Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Nếu ngày thanh toán được nêu tại Khoản 5.1.1, 5.1.2, 5.1.3, 5.1.4, 5.1.5 rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- 5.2 Trường hợp Bên B chậm thanh toán như quy định tại Khoản 5.1 của điều này thì phải chịu thêm lãi suất vay quá hạn hiện hành của Ngân hàng cho số tiền chậm thanh toán.

5.3 Hàng tháng, Bên A gửi cho Bên B bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng này (phụ lục 3).
- Thông báo số tiền phải thanh toán (phụ lục 4).
- Bảng kết quả kiểm nghiệm.
- Hóa đơn bán sỉ.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước

6.1 Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:

- 6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.
- 6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của Bên A và của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng như được nêu tại Điều 8 của hợp đồng này. Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.2 Bên B ngưng tiếp nhận nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:

- 6.2.1 Bên A không thực hiện việc kiểm nghiệm nước sạch được quy định tại Khoản 3.3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 6.2.2 Chất lượng nước mua bán không đạt tiêu chuẩn như quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 6.2.3 Thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước theo kế hoạch. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất 02 (hai) ngày.
- 6.2.4 Khi có sự cố hư hỏng đột xuất hệ thống cấp nước của Bên B mà có thể làm gián đoạn việc tiếp nhận nước từ bên A. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo ngay khi phát hiện sự cố cho Bên A biết.

Điều 7: Trách nhiệm của các bên.

7.1 Trách nhiệm của Bên A:

- 7.1.1 Đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục và đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này, trừ các trường hợp bất khả kháng nêu tại Điều 8.
- 7.1.2 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố hư hỏng trong phạm vi tài sản của mình.
- 7.1.3 Thông báo và phối hợp cùng Bên B ghi nhận, tính toán để giảm trừ khối lượng nước mua bán khi xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.
- 7.1.4 Hỗ trợ Bên B khắc phục các sự cố vượt ngoài khả năng của Bên B (khi có yêu cầu).
- 7.1.5 In hóa đơn tiền nước cho Bên B theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.
- 7.1.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch có tầm ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A.

7.2 Trách nhiệm của Bên B:

- 7.2.1 Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.
- 7.2.2 Đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng nước đạt theo tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 7.2.3 Thông báo và phối hợp với Bên A ghi nhận các sự cố xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu súc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A để cùng tiến hành tính toán khối lượng nước mua bán được giảm trừ.
- 7.2.4 Phối hợp, hỗ trợ với bên thứ ba có sử dụng chung nguồn nước do bên A cung cấp trong việc cung cấp nước sạch. Thông báo cho Bên A các trường hợp tạm ngưng tiếp nhận nước khi tiến hành sửa chữa hệ thống mang lưới phân phối của mình, đặc biệt khi việc tạm ngưng tiếp nhận nước này làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch với Bên A.

- 7.2.5 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng, vượt phạm vi quản lý của Bên B.
- 7.2.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch trên địa bàn của Bên B.
- 7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:
- 7.3.1 Tìm nguyên nhân về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó có trách nhiệm giải quyết, bồi thường (nếu có).
- 7.3.2 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

- 8.1 Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình mà vẫn không ngăn chặn được như:
- Chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn.
 - Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.
 - Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động sản xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch.
 - Nước thô để sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.
 - Những tác động không lường trước như: các đơn vị thi công cầu, đường làm hư hỏng hệ thống tuyến ống truyền tải của Bên A.
- 8.2 Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả để tiếp tục ngay việc mua bán, cung cấp nước sạch trong thời gian sớm nhất. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi quản lý của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.

- 8.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện hợp đồng.

- 9.1 Hợp đồng này thực hiện việc mua bán lượng nước từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023.
9.2 Trước khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.

Điều 10: Điều khoản chung.

- 10.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.
10.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.
10.3 Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.
10.4 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2023

BẢN THỎA THUẬN

Về Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023
giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
và Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2023, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN:

Ông: **Nguyễn Thanh Sử**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 75/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Ông Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC:

Ông: **Nguyễn Công Minh**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Cùng thỏa thuận về một số vấn đề liên quan đến Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023 giữa hai bên như sau:

Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023 sẽ thực hiện việc mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng. Hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ thực hiện theo các nội dung và nguyên tắc sau:

I./ VỀ NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ bao gồm các điều khoản sau:

- Khối lượng nước mua bán.
- Ghi nhận, tính toán khối lượng nước.
- Chất lượng nước sạch.
- Đơn giá mua bán.
- Thanh toán.
- Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước.
- Trách nhiệm của các bên.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Thời hạn thực hiện hợp đồng.
- Điều khoản chung.

II./ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN:

1. Khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán là lượng nước thực vào địa bàn của Bên B được xác định mỗi kỳ 01 lần vào ngày 25 của mỗi tháng thông qua việc đọc số tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) của các đồng hồ tổng nguồn, các đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ nước khách hàng được xem là đồng hồ tổng, trong đó có giảm trừ lượng nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.

2. Xác định khối lượng nước mua bán:

2.2.1 Thiết bị đo đếm:

Khối lượng nước sạch mua bán si hàng kỳ được ghi nhận qua hệ thống đồng hồ tổng, được phân thành 03 loại: Đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và

đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trong hợp đồng mua bán si nước sạch gọi chung 03 loại này là đồng hồ tổng, được định nghĩa và hiểu như sau:

- Đồng hồ tổng nguồn: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước đi vào hoặc đi ra mạng lưới đường ống của Bên B (Phụ lục).
- Đồng hồ tổng tách mạng: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước qua lại giữa Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua si nước sạch của Bên A (Phụ lục).
- Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:
 - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng (Phụ lục).
 - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

2.2.2 Cách tính lượng nước mua bán si :

a. Trường hợp đồng hồ tổng hoạt động bình thường:

Lượng nước mua bán si được xác định:

$$Q = \sum_i^n Q_i - \text{Lượng nước giảm trừ}$$

Với: Q_i : là lượng nước các đồng hồ tổng (cả 03 loại) ghi nhận được trong thời gian mua bán si.

Lượng nước giảm trừ được xác định khi xảy ra các trường xuất hiện xi, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A hoặc có yêu cầu xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A. Khi đó hai bên sẽ cùng tiến hành ghi nhận làm cơ sở cho việc tính toán khối lượng nước mua bán.

b. Trường hợp đồng hồ tổng đo đếm có sự cố:

Hai bên thống nhất bổ sung quy trình xử lý, các trường hợp tính trung bình và quy tắc ứng xử trong các trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố, nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng như sau:

❖ Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố được thực hiện như sau:

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin v.v... thì thực hiện theo quy trình sau:

- + Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.
- + Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.
- + Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:

Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đầu nối tiếp đất...) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.

Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

❖ Các trường hợp tính trung bình lượng nước cung cấp và bán sỉ trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm:

- + *Trường hợp 1: đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.*

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

- + *Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng (nhiều hơn 10 ngày).*

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ, đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối

lượng bình quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

- + **Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).**

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2 của Trường hợp 2.

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.

Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 3 của Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố nêu trên.

- + **Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết**

Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo “hệ số K”.

Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng = K x khối lượng bình quân ngày theo Trường hợp 1 hoặc Trường hợp 2.

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước tương ứng với các ngày cần tính trung bình}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư tương ứng của năm trước}}$$

- + **Trường hợp 5: aong no tong noat aong dinn mương, bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:**

Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

- + *Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:*

Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường *so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ*. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo Trường hợp 2.

Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lân cận (do Đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A, cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.

Trường hợp giải quyết khắc phục theo phương án: thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ được thể để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

❖ Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng:

- + Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.
- + Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.
- + Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- + Lượng nước mua bán si trong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay tạm đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại Trường hợp 2.
- + Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí

tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.

Lượng nước đã tạm tính ở mục 4 của Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng sẽ được so sánh khối lượng đo đếm thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.

2.2.3 Công tác đọc số đồng hồ tổng:

Hàng kỳ hai bên cử đại diện để tiến hành ghi nhận chỉ số tiêu thụ và lập biên bản ghi nhận chỉ số tiêu thụ đồng hồ tổng. Việc phối hợp thực hiện như sau:

- Đối với đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: Bên A và Bên B.
- Đồng hồ tổng tách mạng: Bên A, Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua si nước sạch của Bên A. Bên thứ ba sẽ được xác định trước và lập danh sách các đồng hồ tổng này để cùng tiến hành ghi nhận khối lượng nước mua bán.

2.2.4 Thời gian đọc số đồng hồ tổng:

Việc đọc số đồng hồ tổng được xác định vào ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút.

III./ VỀ ĐƠN GIÁ MUA BÁN:

1. Hai bên thống nhất xác định đơn giá hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023 như sau:

$GBS_{2023} = GBS \text{ tính lại } 2022 * (1 + \% \text{ Tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân})$

Trong đó:

- *GBS tính lại 2022* : là đơn giá mua bán si cho lượng nước khách hàng sử dụng khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B tính lại năm 2022 tăng theo tốc độ tăng giá bán lẻ bình quân đạt được của năm 2022 so với năm 2021. Cụ thể là 6.743,94 đồng/m³.

- % *Tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân*: là tốc độ tăng hoặc giảm giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2023 so với giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2022.
2. Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023 sẽ được tính theo đơn giá như sau:
- Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định (Phụ lục) là **6.743,94 đồng/m³**. Đơn giá này sẽ được tính toán lại vào cuối năm theo nguyên tắc xác định đơn giá trên.
 - Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có) được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.
3. Đơn giá mua bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
4. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

IV./ VỀ THANH TOÁN:

Hàng tháng Bên B sẽ thanh toán tiền mua bán si nước sạch cho Bên A thành 05 (năm) đợt như sau:

- Đợt 1: Ngày 01 (một) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán cho Bên A số tiền là 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng.
- Đợt 2: Ngày 05 (năm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán tiếp cho Bên A số tiền là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng.
- Đợt 3: Ngày 10 (mười) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán tiếp cho Bên A số tiền là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng.
- Đợt 4: Ngày 15 (mười lăm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán tiếp cho Bên A số tiền là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng.

- Đợt 5: Ngày 20 (hai mươi) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán hết cho Bên A số tiền còn lại.

Trường hợp ngày thanh toán rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.

Thanh toán tiền mua bán si nước sạch bằng hình thức chuyển khoản.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng, nếu có những phát sinh ngoài dự kiến, hai bên sẽ cùng thương thảo để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Bản thỏa thuận này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau.

Đ/DIỆN CTY CP CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

**Đ/DIỆN TỔNG CTY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
-TNHH MTV**

(Đính kèm Bản thỏa thuận về hợp đồng mua bán sỉ nước sạch ngày / /2023)

PHỤ LỤC DANH SÁCH ĐỒNG HỒ TỔNG

1. Đồng hồ tổng nguồn (Outlet)

STT	Mã vị trí	Vị trí
1	td1001	Tran Nao
2	td1004	Khu vực nhà máy nước Bình An
3	td1005	Khu vực Bình Thang
4	td1006	Khu vực Gian Dan
5	td1007	Khu vực Đại học Quốc Gia
6	td1008	Khu vực Xa lộ Đại Han
7	td1010	Khuon viên NMN
8	td1011	Nguyen van Ba
9	td1012	Khu vực Nga tu Binh Thai
10	td1014	RMK
11	td1016	C/x An Binh
12	td1017	Riverside
13	td1018	Khu vực An Dien - An Phu
14	td1020	Lien tinh lo 25B
15	td1025	Vo Van Ngan
16	td1026	Nguyen Xien
17	td1027	Cau Binh Phuoc (TD)
18	td1028	Thap cat ap Thu Duc
19	td1029	Xa lo Ha Noi (doi dien NMN BOO)
20	td1030	Truyen tai dien 4
21	td1032	Nga ba Tan Van (moi lap)
22	td1041	Luong Dinh Cua – Tinh lo 25B
23	td1043	Do Xuan Hop
24	td1044	Nga ba cat lai
25	td1047	Quoc lo 13 - Kha Van Can (Tram xang dau Forimex)
26	td1048	Le Van Viet (2)
27	td1049	Linh Dong - duong 28
28	td1051	7 Dang Van Bi – Nguyen Van Ba
29	td1052	Vo Van Ngan – Le Van Chi
30	td1053	Chan cau Sai Gon
31	td1054	Cay xang Dong Hoa, 132 Xa lo Ha Noi, Di An Binh Duong

2. Đồng hồ tổng tách mạng

STT	Mã vị trí	Vị trí
32	td2019	Cau Binh Trieu